



LILAMA 3
kết liên sức mạnh ©

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Trụ sở : 86 Tân Xuân- Xuân Đình- Bắc Từ Liêm- Hà Nội
Tel : 024.38182554 Fax: 024.38182550



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2020

Hà Nội, tháng 04/2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên đơn vị : **CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3**
Địa chỉ : **86 Tân Xuân- Xuân Đình-Bắc Từ Liêm- Hà Nội**
Năm báo cáo: **2020**

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:

Công ty Cổ phần LILAMA 3

Tên tiếng Anh:

LILAMA 3 Joint Stock Company

Tên viết tắt:

LILAMA 3.,JSC

Biểu tượng:



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

2600104526 (Đăng ký lần đầu ngày 22/06/2006
Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 29/05/2019)

Vốn điều lệ:

51.500.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Địa chỉ:

Số 86, đường Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận
Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại

04. 3 8182554

Fax

04. 3 8182550

Website

www.lilama3.vn

Mã cổ phiếu

LM3

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Lilama 3 là thành viên của Tổng Công ty lắp máy Việt Nam tiền thân là Công trường lắp máy C1 Việt tri được thành lập vào ngày 01/12/1960. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển đến nay. Với gần 1000 cán bộ nhân viên.công nhân kỹ thuật lành nghề cùng hệ thống thiết bị thi công tương đối hiện đại, Công ty đã khẳng định được vị thế và thương hiệu của

mình trên thị trường từng bước hội nhập với sự phát triển của khu vực và thế giới. Với bề dày lịch sử phát triển hơn nửa thế kỷ, các dự án, công trình do Công ty đảm nhiệm thi công đã và đang hoạt động tốt mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho đất nước như: Nhà máy nhiệt điện : Phả Lại, Uông Bí, Phú Mỹ, Nhiệt điện BARH - Ấn Độ, Nhiệt điện An Khánh, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt Điện Mông Dương; Nhiệt Điện Duyên Hải 3; Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4; Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Mở rộng; Nhiệt điện Thái Bình 2; Nhiệt Điện Sông Hậu 1; Nhiệt Điện Nghi Sơn 2....; Thủy điện: Hoà Bình, Trị An, YALY, thủy điện Ngòi Phát; Thủy điện Nậm Mạ; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng : Xi măng Chinfon Hải Phòng, Bim Sơn, Nghi sơn, Bút sơn Cẩm Phả, Yên Bình, Yên Bái, Xi măng Sông Thao, Hồng Phong – Lạng Sơn; Nhà máy giấy Bãi Bằng, Việt Trì, Tissue Cầu Đuống, Nhà máy sản xuất hoá chất: Supe phốt phát lâm thao, Tuyển quặng Apatit Lao cai, Giấy Phương Nam, Nhà máy chế biến bột CACCO3 Bắc Kạn, các nhà máy công nghiệp thực phẩm : Rượu Bia Hà Nội, Rượu Bia Viger, Đường Quỳnh Hợp, Bia Tiger, Dự án Đóng sông vận chuyển vật liệu cho Nhà máy Xi măng Yên Bình, Dự án Trung Tâm Hội nghị Quốc Gia, Trung tâm thể thao Quốc gia, Công trình Honda Việt Nam, Nhà máy YAMAHA Việt Nam, nhà máy điện tử SANKOH Hoà Bình, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Chế tạo kết cấu thép SHIP RAIL cho Nhật, Chế tạo Sàn nâng tàu Nosco Vinaline, Chế tạo kết cấu thép Bộ Công An, Chế dầm thép cho công trình Cầu Nhật Tân..

Tháng 6/2006, Công ty đã thực hiện quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc chuyển Công ty Lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty cổ phần LILAMA 3 với vốn điều lệ là 11,5 tỷ đồng, đến tháng 6/2007 công ty đã tiến hành tăng vốn điều lệ lên 51,5 tỷ đồng. Theo định hướng chiến lược phát triển đến năm 2010 và các năm tiếp theo Công ty chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao tay nghề của cán bộ, công nhân. Cùng với sự đầu tư đúng hướng về con người Công ty còn quan tâm xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2000 nhằm đảm bảo chất lượng của các công trình đáp ứng những đòi hỏi khắt khe nhất của khách hàng. Với năng lực hiện có và kinh nghiệm thu được khi hợp tác với các tập đoàn lớn trên thế giới như ABB, Hyundai, Jacobsen.MaRuMeNi... để phát triển công ty trong những năm tới công ty luôn tìm và mở rộng các đối tượng khách hàng mở rộng thị trường kinh doanh mới. Đồng thời nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm trên cơ sở được công ty đầu tư tại Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc phục vụ cho thị trường sản xuất các sản phẩm cơ khí và các cấu kiện phục vụ cho các dự án xây dựng công trình lọc dầu, NM nhiệt điện, thủy điện, NM sản xuất giấy, xi măng, bên cạnh đó công ty cũng đang quan tâm tới công nghệ mới trong xây dựng nhà cao tầng với kết cấu dầm thép để tham gia sâu vào lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng hiện đại, ngoài ra công ty cũng tìm kiếm và phát triển lĩnh vực kinh doanh sang các đối tác nước ngoài như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức

Tháng 12 năm 2009 cổ phiếu của công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với:

Tên chứng khoán : **Cổ phiếu Công ty Cổ phần LILAMA 3**
Mã chứng khoán : **LM3**
Số lượng cổ phiếu niêm yết : **5.150.000 cổ phiếu**

Ngày 31/03/2016, Tổng công ty lắp máy Việt Nam - Lilama đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Lilama 3 sang Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam – DATC.

Việc thành lập các công ty con:

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.4: Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.3: Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3

- Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO được thành lập và được Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp giấy chứng nhận số: 012022000320 ngày 14/07/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- ⊕ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng (gạch, gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ôxy, que hàn, đá...);
- ⊕ Khảo sát, thiết kế, tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc
- ⊕ Tư vấn thiết kế công nghệ các dây chuyền sản xuất: Vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực thực phẩm;
- ⊕ Thi công xây dựng: San ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ....
- ⊕ Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp; công trình dân dụng (nhà ở) giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng; đường dây tải điện và trạm biến thế;
- ⊕ Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy; trang trí nội thất công trình;
- ⊕ Chế tạo và lắp đặt: Thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- ⊕ Thiết kế, đóng mới tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn; sửa chữa các loại tàu, thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy;
- ⊕ Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- ⊕ Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, xăng dầu, khí hóa lỏng và chất đốt các loại;
- ⊕ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;
- ⊕ Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách đường bộ và đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa đường thủy, đường bộ

2.2. Địa bàn hoạt động:

Do tính chất đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm xây dựng cơ bản các công trình, Dự án xây lắp ở địa bàn xa trụ sở, Công ty đang thực hiện thi công rất nhiều các hạng mục công trình trọng điểm như:

⊕ Tỉnh Hà Tĩnh: Dự án NM Nhiệt điện Vũng Áng 1, do Tập đoàn dầu khí Quốc gia làm chủ đầu tư, Dự án NM thép Formosa Hà Tĩnh...

⊕ Tỉnh Lào Cai: Dự án lắp dựng nhà máy tuyển quặng Apatit do Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam làm chủ đầu tư; Dự án Thủy điện Ngòi Phát do Công ty CP Phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2) làm chủ đầu tư, Dự án DAP2....

⊕ Tỉnh Thái Nguyên: Xây dựng và lắp đặt Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Tisco do Công ty CP Gang thép Thái nguyên làm chủ đầu tư; ...

⊕ Tỉnh Hậu Giang: Công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1

⊕ Tỉnh Thanh Hóa: CT nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn; Nhiệt điện Nghi Sơn 2

⊕ Tỉnh Phú Thọ: CT Nhà máy Giấy Bãi Bằng; NM Hóa Chất Việt Trì, NM Giấy VT

⊕ Tỉnh Tuyên Quang: NM Giấy An hòa; NM Quặng Sắt Hà Quang

⊕ Và một số địa bàn khác như Duyên Hải – Trà Vinh, Nhơn Trạch – Đồng Nai, Vĩnh Tân 4- Bình Thuận , Phú Mỹ 2; Cần Thơ; Hưng Yên, Thái Bình

⊕ TP Hà Nội: Trụ sở Cục Viễn thông; Trụ sở Tập đoàn Than và khoáng sản Việt Nam (Vinacomin); Trung tâm thương mại và dịch vụ tổng hợp- Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji; Trụ sở Media- tree; Nhà xưởng Đông Anh

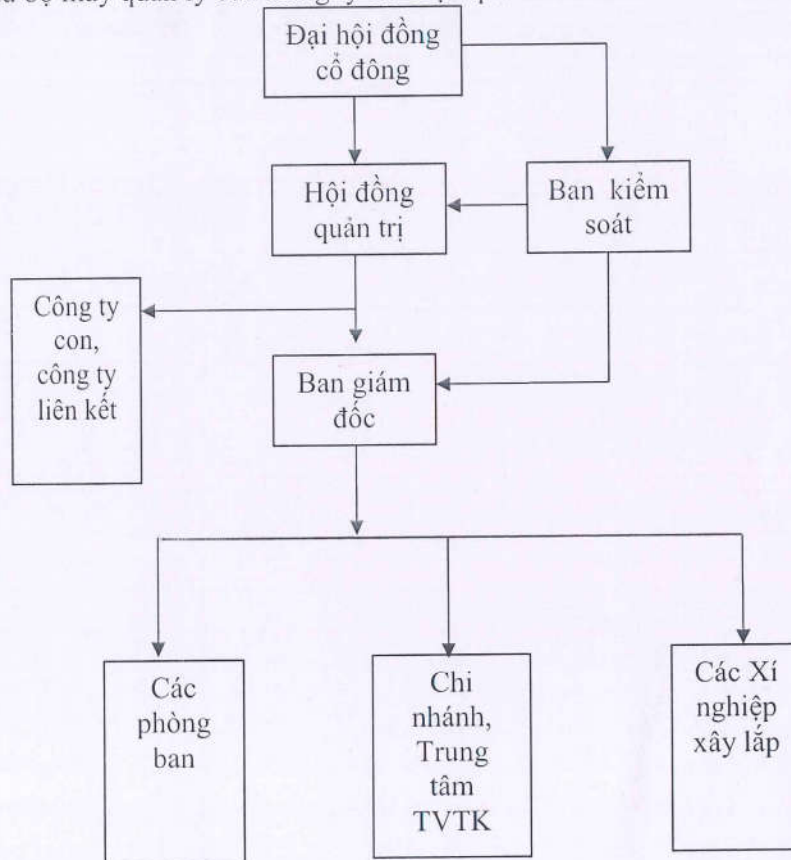
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát, Ban giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Công ty Mẹ được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc Công ty quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua các Phó tổng giám đốc phụ trách khối.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty thể hiện qua sơ đồ sau:



Đại hội đồng Cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu và người được cổ đông ủy quyền đều được tham dự ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần LILAMA 3.4: Được thành lập theo quyết định số 39/QĐ - HĐQT, ngày 31/12/2009 của Hội đồng quản trị Công ty CP LILAMA 3 và được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 2600658877.

+ Trụ sở chính: tại 931, Đại lộ Hùng Vương, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Đăng ký lần đầu, ngày 06/01/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 17/06/2010 và thay đổi lần 4 ngày 10/02/2012 với Vốn điều lệ: 6.000.000.000.đồng (Sáu tỷ đồng) Công ty CP LILAMA 3 góp 51% vốn điều lệ tương ứng với: 3.060.000.000 đồng, các thể nhân khác góp 49% vốn điều lệ tương ứng với: 2.940.000.000.đồng.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, gia công kim loại; lắp đặt hệ thống điện nước; gia công cơ khí, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; xây dựng nhà các loại, công trình kỹ thuật dân dụng, đường sắt, đường bộ; Kinh doanh buôn bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xăng dầu và vật liệu xây dựng ...

- **Công ty Cổ phần LILAMA 3.3:** Được thành lập ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 3 và Giấy chứng nhận Kinh doanh được Sở kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp.

+ Trụ sở chính: Lô 24, 25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Đăng ký lần đầu: Giấy chứng nhận số 0104489681 ngày 12/02/2010, thay đổi lần 1 ngày 24/03/2010 với số vốn điều lệ là: 9.500.000.000 đồng trong đó vốn do Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 4.845.000.000 đồng tương đương 51% số cổ phần chi phối, Công ty Cổ phần Ngọc Việt Linh góp 950.000.000 đồng tương đương 10% số cổ phần chi phối, các cổ đông khác góp 3.705.000.000 đồng chiếm 39% số cổ phần chi phối.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại, các sản phẩm thiết bị gia dụng, các sản phẩm máy móc thiết bị; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng...

- **Công ty TNHH LILAMA 3 – DAI NIPPON TORYO (Công ty liên doanh)**

+ Địa chỉ: Lô 24, KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội

+ Giấy phép kinh doanh số 012022000320-KD cấp lần đầu ngày 30/09/2012 với số vốn điều lệ là 11.400.000.000 đồng Công ty Cổ phần LILAMA 3 góp 5.814.000.000.000đ tương đương 51% VDL Công ty DAI NIPPON TORYO Nhật Bản góp: 5.586.000.000.000đ tương đương 49% VDL

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Thực hiện quyền nhập khẩu; quyền xuất khẩu; quyền phân phối bán buôn, bán lẻ các hàng hóa: Sơn, vecni làm từ các loại Polyme tổng hợp hoặc polymer tự nhiên; matit để gắn kính, ghép nối các vật liệu; thiết bị cơ khí để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực; các loại máy trộn, máy nhào, máy xay...

4. Định hướng phát triển:

4.1. Các mục tiêu phát triển chủ yếu của Công ty:

+ Mở rộng thị trường hoạt động kinh doanh trong nước, khu vực và thế giới.

+ Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường chiến lược dọc theo hành lang Sông thao, khu vực lân cận và thị trường miền Trung, Miền Nam; Miền Tây...

+ Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

+ Chú trọng khai thác tiềm năng chế tạo thiết bị cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài. Tiếp tục dịch chuyển cơ cấu sản xuất, nâng cao tỷ trọng chế tạo thiết bị trong tổng doanh thu để giảm bớt các yếu tố rủi ro trong ngành xây lắp.

+ Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: sản xuất kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp....

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID 19 dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn. Nền kinh tế của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng cũng gặp rất nhiều khó khăn do dịch bệnh kéo dài. Trong năm 2021, LILAMA 3 tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, khai thác tiềm năng chế tạo sản phẩm cơ khí xuất khẩu ra nước ngoài, hợp tác liên doanh với các đối tác nước ngoài để thực hiện một số dự án thi công các công trình xây dựng cơ bản trong nước :Các nhà máy Nhiệt điện...

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Là một đơn vị sản xuất sản phẩm xây lắp có chu kỳ sản xuất dài, sản xuất thi công tại các địa bàn khác nhau ở trong nước song LILAMA3 luôn luôn xác định mục tiêu: Đảm bảo về môi trường, xã hội và cộng đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh phát triển mô hình cũng như tìm kiếm các nguồn lực sản xuất, Công ty luôn chú trọng tới việc vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với những việc cụ thể như cung cấp nước sạch hợp vệ sinh và điều kiện môi trường nơi sinh sống, cải thiện điều kiện ở của công nhân tại các công trường; hạn chế sự gia tăng ô nhiễm, đồng thời tích cực phòng ngừa và xử lý ô nhiễm công nghiệp. Với xã hội và cộng đồng, LILAMA3 luôn cam kết trở thành đối tác đáng tin cậy với tất cả các bên hữu quan, xây dựng và duy trì mối quan hệ tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. LILAMA3 đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định của tất cả người lao động. LILAMA3 có rất nhiều mối quan hệ với khách hàng và nhà cung cấp, nỗ lực tạo niềm tin và định hướng phát triển của Công ty trong tương lai với các đối tác.

5. Các rủi ro (Các rủi ro được trình bày cụ thể trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 – Mục VII: Phần thuyết minh Báo cáo tài chính)

Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

✦ Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020 đại dịch bệnh Covid- 19 bùng phát đã tác động rất lớn đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội nói chung và sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp rất nhiều khó khăn, việc làm hạn chế, nên doanh thu thuần

của Công ty giảm mạnh chỉ đạt 72,4% so với kế hoạch và đạt 67% so với cùng năm 2019. Việc thu hồi vốn tại các Dự án đã thi công, hoặc tạm dừng thi công từ nhiều năm trước đã khó khăn do sự thay đổi cơ cấu nhân sự, thay đổi Chủ sở hữu của Chủ đầu tư nay càng trở nên khó khăn hơn khi liên tục tạm dừng gián đoạn do phải thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Doanh thu giảm sút, thu hồi vốn khó khăn dẫn đến Công ty không đủ nguồn tiền để thanh toán dứt điểm tiền nợ thuế phát sinh từ nhiều năm trước, tiền nợ BHXH, tiền nợ DATC và các Nhà cung cấp.

Đứng trước những khó khăn nêu trên, song với sự quyết tâm, đồng lòng của HĐQT, Ban tổng giám đốc đã tập trung chỉ đạo điều hành SXKD cùng với sự thống nhất từ các phòng ban, đơn vị và sự đoàn kết quyết tâm của toàn thể CBCNV, Công ty triển khai thi công đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư tại các Dự án như: Công trình Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Nghi Sơn 2; Nhà máy TOTO4; NM Sấy bã bia Mê Linh; FLC- Khu chức năng đô thị Đại mỗ 1; Nhà máy thức ăn gia súc Xuân Mai... Giải quyết các chế độ chính sách, tiền lương cho người lao động đầy đủ, đáp ứng được nguyện vọng của người lao động.

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành công tác bàn giao tài sản đảm bảo là Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch hạc để DATC xử lý thu hồi nợ giúp Công ty giảm bớt một phần chi phí duy trì, bảo dưỡng sửa chữa, bảo quản, chi phí khấu hao hàng năm đồng thời giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả hơn.

Việc khai thác hiệu quả tài sản đảm bảo cho khoản nợ của Công ty số 8 Thăng Long bằng việc cải tạo, sửa chữa cho thuê nhà kho chứa thiết bị và văn phòng làm việc, tạo nguồn thu ổn định trong nhiều năm.

✦ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 là năm tài chính thứ mười năm của Công ty cổ phần LILAMA 3 hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

- Tổng doanh thu	:	73.400.705.123, đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	:	(144.218.276.933), đồng
- Thu nhập bình quân người/ tháng	:	8.023.373, đồng

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành:

Ban điều hành Công ty hiện nay có một Tổng Giám đốc, ba Phó tổng giám đốc điều hành, 01 Kế toán trưởng. Tổng Giám đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo nghị quyết được thông qua hợp thức.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Tiến Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó Tổng Giám đốc	
Đình Tiến Thành	Phó Tổng Giám Đốc	
Nguyễn Hải Phong	Phó Tổng Giám Đốc	
Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng	

Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành công ty:

1. Ông Nguyễn Tiến Thành – Tổng giám đốc công ty.

Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/10/1974
Số CCCD	015074000081
Nơi sinh	Yên Bái
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xuân Lũng - Lâm Thao - Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	Tổ 70B-Láng Hạ-Đống Đa-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	04 38182554
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 09/1997 đến 10/2001: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 11/2001 đến 9/2003: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 10/2003 đến 3/2006: Phó Giám đốc Công ty lắp máy và xây dựng số 3. - Từ 04/2006 đến Tháng 7/2011: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3. - Từ Tháng 9/2011 đến nay: Tổng giám Đốc Công ty CP LILAMA3
Chức vụ công tác hiện nay	Tổng Giám Đốc Công ty CP LILAMA3

2. Ông: Nguyễn Tăng Phụng – Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	27/12/1965
Số CMTND	011304477
Nơi sinh	Quảng Ninh
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bắc Ninh
Địa chỉ thường trú	Số 3-548/15 Nguyễn Văn Cừ-Long Biên-Hà Nội
Số ĐT cơ quan	0210.3910.510
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 08/1989 đến 05/1996: Kỹ sư Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 06/1996 đến 08/1998: Đội trưởng Công ty lắp máy và xây dựng Hà Nội. - Từ 09/1998 đến 07/2000: Phó trưởng đại diện LILAMA tại dự án Nhiệt điện Phả Lại. - Từ 08/2000 đến 04/2001: Học viên Trường đào tạo cán bộ ngành xây dựng. - Từ 05/2001 đến 09/2001: Trưởng đại diện LILAMA Granit Tiên Sơn. - Từ 10/2001 đến 09/2006: Phó Giám đốc Công ty chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng. - Từ 10/2006 đến 09/2007: Phó giám đốc Ban quản lý dự án huyện Gia Lâm. - Từ 10/2007 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 3.

3/ Ông Đinh Tiến Thành- Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/12/1981
Số CMTND	164110568
Nơi sinh	Ninh Bình

Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Ninh Bình
Địa chỉ thường trú	A30, Tổ 58, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp

Quá trình công tác
 dụng tại Trung tâm Tư vấn thiết kế- Công ty CP LILAMA 3.

- Từ tháng 8/2004 đến tháng 01/2006: Kỹ sư xây
 dựng tại Trung tâm Tư vấn thiết kế- Công ty CP LILAMA 3.
 - Từ tháng 02/2006 đến 09/2009: giữ chức vụ
 Phó giám đốc Trung tâm TVTK

- Từ Tháng 10/2009 đến tháng 9/2019: giữ chức
 vụ Giám đốc Trung tâm TVTK

- Từ Tháng 9/2019 đến nay: giữ chức vụ Phó
 Tổng giám đốc Công ty CP LILAMA3 kiêm Giám đốc
 Trung tâm TVTK.

4/ Ông Nguyễn Hải Phong- Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nam
Ngày sinh	04/12/1974
Số CMTND	011895860
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Thọ
Địa chỉ thường trú	P 205, B3- Nghĩa Tân- Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác
- Từ tháng 8/2005 đến tháng 10/2005: Nhân viên Trung tâm tư vấn thiết kế - Lilama 3-Văn phòng đại diện của Lilama3 tại Hà Nội.
 - Từ tháng 11/2005 đến tháng 02/2007: Nhân viên phòng Vật tư Công ty LILAMA3 phụ trách tìm kiếm các loại vật tư, thiết bị tại khu vực Hà Nội phục vụ cho dự án.
 - Từ tháng 3/2007 đến tháng 3/2008: Phó phòng vật tư Công ty LILAMA3
 - Từ tháng 4/2007 đến tháng 8/2011: Quyền Trưởng phòng Vật tư Công ty LILAMA3
 - Từ tháng 9/2011 đến tháng 7/2018: Tổng giám đốc Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO.
 - Từ tháng 8/2018 tháng 8/2019: Chuyên gia tư vấn kinh doanh - Công ty Cổ phần LILAMA3.
 - Tháng 9/2019 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP LILAMA 3 kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO.

5/ Ông Nguyễn Đức Thịnh- Kế toán trưởng

Giới tính	Nam
Ngày sinh	14/08/1987
Số CMTND	168252094
Nơi sinh	Hà Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Liêm Trung- TP Phủ Lý- Tỉnh Hà Nam
Địa chỉ thường trú	Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
Số ĐT cơ quan	043.8182554
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 01/04/2011 đến tháng 10/2012: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty CP LILAMA 3. - Từ tháng 10/2012 đến tháng 12/2015: Phụ trách kế toán tại Trung tâm tư vấn thiết kế - Từ tháng 01/2016 đến tháng 8/2019: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty kiêm Phụ trách kế toán tại Trung tâm Tư vấn thiết kế.

- Từ tháng 9/2019 đến Nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Danh sách Ban điều hành Công ty:

T T	Tên cổ đông	Chức vụ	Đại diện vốn Nhà nước		Sở hữu cá nhân		Biến động
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	
1	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT – Tổng Giám Đốc			77.301	1,50%	
2	Ông Nguyễn Tăng Phụng	Phó tổng giám đốc			9.500	0,184%	
3	Nguyễn Đức Thịnh	Kế toán trưởng			0	0%	
4	Đình Tiến Thành	Phó tổng giám đốc			20.674	0.401%	
5	Nguyễn Hải Phong	Phó tổng giám đốc			5.000	0.097%	

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên trong năm:

+ Số lượng cán bộ công nhân viên bình quân năm 2020: 168 lao động

+ Chính sách đối với người lao động: Lương và các chế độ cho người lao động được thanh toán kịp thời đáp ứng nguyện vọng người lao động, người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty. Hàng năm Công ty có tổ chức Hội nghị người lao động nhằm mục đích lắng nghe những tâm tư nguyện vọng của người lao động về các chính sách lao động, thỏa ước tập thể từ đó Công ty đưa ra những chính sách phù hợp và có lợi ích nhất cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án; tình hình hoạt động và tài chính các công ty con, công ty liên kết:

3.1. Các khoản đầu tư lớn::

- Trong năm 2020 Công ty đã hoàn thành công tác sửa chữa, cải tạo nâng cấp nhà kho tại Văn phòng Tân Xuân (Nhà văn phòng cho Thuê) và hạ tầng với giá trị: 3,768 tỷ đồng
- Ngoài ra Công ty cũng đầu tư cải tạo sửa chữa nâng cấp Nhà máy Bến gót tại Việt tri với giá trị khoảng 500 triệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi bàn giao tài sản đảm bảo là Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc cho DACT để thanh lý thu hồi nợ.

3.2. Tình hình hoạt động SXKD của các công ty con, công ty liên kết:

a. Công ty cổ phần LILAMA3.4.

Trong năm 2020, Công ty đã dừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh để xử lý các tồn tại.

b. Công ty cổ phần LILAMA3.3

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Trong năm 2020 sản xuất kinh doanh của công ty có chuyển biến tích cực hơn, doanh thu tăng so với năm 2019 (tăng 31,5 % so với năm 2019 . Tại thời điểm ngày 31/12/2020 số dư nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP LILAMA3.3:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	9.210	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	22.985	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	501	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(546)	
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(45)	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(45)	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức	Triệu đồng	0	

- Kế hoạch SXKD năm 2021:

+ Nâng cao năng suất lao động, tìm những cơ chế khoán, phương án khoán hợp lý, kích thích người lao động làm việc có năng suất. Gắn chặt trách nhiệm người đứng đầu từng bộ phận.

+ Tiếp tục duy trì quan hệ với các khách hàng cũ, tăng cường tìm kiếm thông tin của các dự án mới, chào mức giá phù hợp để có thêm việc làm, năng động hơn trong công tác tiếp thị.

+ Phát triển thêm phần việc lắp đặt; chú trọng nâng cao chất lượng, cải tiến kỹ thuật; mỹ thuật đối với các sản phẩm.

+ Hình thành tác phong, ý thức, quy trình kiểm soát, giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

c. Công ty TNHH LILAMA3 – DAI NIPPON TORYO

Năm 2020 Công ty chỉ cung cấp dung môi được sản xuất trong nước cho các khách hàng của DNT Nhật Bản cũng như các khách hàng khác có nhu cầu. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên một số mặt hàng doanh thu bị sụt giảm đáng kể đồng thời cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên việc thu hồi công nợ và thanh toán gặp rất nhiều khó khăn, năm 2020 chỉ thu hồi được nợ quá hạn gần 200 triệu đồng. Doanh thu thấp trong khi chi phí cố định không thay đổi nhiều dẫn đến tình trạng kinh doanh vẫn tiếp tục thu lỗ .

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH LILAMA3 – Dai Nippon Toryo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Ghi chú
- Tổng tài sản	Triệu đồng	7.440	
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.397	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	-509	
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	-0,0008	

- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	-509	
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-509	

- Kế hoạch SXKD năm 2021: Ngày 05/12/2017 Hội đồng thành viên Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Hiện tại Hội đồng thành viên của Công ty vẫn chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) Tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên khả năng cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty này phụ thuộc vào các sự kiện sau:

- + Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ;
- + Ban Giám Đốc Công ty Dai Nippon Toryo Co.,Ltd. Phê duyệt sau khi Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ; và
- + Việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư của Công ty về cơ cấu lại phần vốn chủ sở hữu hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba.

Để duy trì Công ty trong thời gian giải quyết các tồn đọng, Công ty vẫn tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 bình thường.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng (+) /giảm (-)
- Tổng tài sản	339.115,6	120.405,8	
- Doanh thu thuần	110.105,3	73.400,7	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-34.865,6	-25.490,9	
- Lợi nhuận khác	-3.524,5	-118.727,3	
- Lợi nhuận trước thuế	-38.390,1	-144.218,2	
- Lợi nhuận sau thuế	-38.390,1	-144.218,2	
- Tỷ suất lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	0.00011	0.00037	
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	-0.05299	-0.03877	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	1.95816	4.89636	
- Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	12.8940	11.4476	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	3.021	3.25157	

(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)			
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.32468	0.60961	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	-0.34866	-1.96480	
- Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	-0,74543	-2.80035	
- Hệ số LNST/Tổng tài sản	-0.11320	-1.19776	
- Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	-0.31665	-0.34728	
-			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

5.1. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần của Công ty CP LILAMA3 đã phát hành là 5.150.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành theo từng loại là: 5.150.000 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không
- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 0%
- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp: Không có.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Do dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp từ đầu năm đến thời điểm hiện nay nên việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty đã bị tạm hoãn lại (Công ty đã được Sở kế hoạch đầu tư TP Hà Nội có công văn số 107/CV-ĐKKD ngày 29/03/2021 chấp thuận cho việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông 2021). Vì vậy việc thực hiện quyền chốt với Trung tâm lưu ký chứng khoán đơn vị vẫn chưa thực hiện được và cơ cấu vốn góp của thành viên góp vốn là lấy của trước đại hội cổ đông thường niên năm 2020 là:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam - DATC	51 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.563.600	25.636	49,78%
	- Ông Lưu Văn Kính		515.000		10,00 %
	- Ông Nguyễn Quốc Khánh		772.500		15,00%
	- Ông Nguyễn Văn Thuyết		1.276.100		24,78%
2	Các tổ chức khác		140		
	Công ty CP chứng khoán MB	Tầng M3-7 số 3 Liễu Giai, Ba Đình, HN	63		
	Công ty CP chứng khoán SSI	72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé – Q1- TPHCM	30		
	Công ty CP chứng khoán Tân Việt	Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm,	14		

		Hà Nội			
	Công ty CP chứng khoán đầu tư Việt Nam	Tầng 1, tòa nhà VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hn	33		
3	Sở hữu cá nhân		2.552.460		
3.1	Ông Phan Kim Lân	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	102.298	1,022,980	1,98%
3.2	Ông Phạm Công Hoan	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	77.648	776,480	1,51%
3.3	Ông Đỗ Huy Vũ	Phú Thượng – Hà Nội	49.408	494.080	0,96%
3.4	Ông Nguyễn Tiến Thành	P505 C9B Nam Thành Công, Đống Đa, HN	77.301	773.010	1,50%
3.5	Các cá nhân khác		2.245.805	22.458.050	43,6 %
4	Cổ đông nước ngoài		33.800		
4.1	Yukiyoshi Taguchi	Japan	20.800		
4.2	LIN Wan Chu	Taiwan	13.000		

- Thông tin chi tiết về Cổ đông sáng lập là tổ chức:

TT	Tên cổ đông	Ngành nghề	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	Chế tạo, xây dựng, lắp đặt	124- Minh Khai – HN	0 CP	0%	Giảm

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập là cá nhân:

T	T	Tên cổ đông	Năm sinh	Địa chỉ	Nghề nghiệp	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Biến động
1		Phan Kim Lân	1960	49 Ngõ 48 Thọ Lão, Hai Bà Trưng - HN	Tổng giám đốc	102.298	1,98%	Tăng
2		Đỗ Huy Vũ	1974	Phú Thượng – Hà Nội		49.408	0,96%	Giảm
3		Phạm Công Hoan	1959	33D, ngõ 110 phố Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	Kế toán trưởng	77.648	1,51%	Tăng
4		Vũ Văn Định	1958	Phố Huế - Hai Bà Trưng – Hà Nội		0	0%	Giảm

d. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2020

Công ty không đạt được kết quả sản xuất kinh doanh như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra cụ thể.

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH2020/KH 2020
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	95.860	68.403	71,36%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	101.372	73.400	72,4%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	17.870	6.367	35,6%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	31.288	22.826	72,9%
5	LĐ SD bình quân	Người	333	237	71%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	8.050	8.023	99,6%
7	Đầu tư	Tỷ VNĐ	5.400	4.268	
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	-24.188	-144.218	
9	Dự kiến chia cổ tức	%	0		

Đánh giá chung:

Năm 2020 tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp và kéo dài do đó tình hình SXKD của công ty gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu giảm do một số dự án dự kiến triển khai thi công trong năm 2020 nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh nên Chủ đầu tư kéo dài thời gian khởi công dẫn đến tình trạng thiếu việc làm.

- Tình hình tài chính của công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn, thời gian phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020 kéo dài từ 30/4/2020 đến 28/10/2020 nên trong khoảng thời gian dài công ty không được vay vốn, không phát hành được các bảo lãnh, không đủ Hồ sơ đề hoàn thiện thủ tục thanh toán tạm ứng, thanh toán giai đoạn của các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng phát sinh mới. Mặt khác, hạn mức tín dụng năm 2020-2021 bị cắt giảm so với năm 2019-2020 do Công ty vẫn chưa khắc phục được tình trạng Âm vốn chủ sở hữu dẫn đến việc tìm kiếm các hợp đồng thi công mới gặp nhiều khó khăn, Công ty chỉ đáp ứng được trong giới hạn các Hợp đồng có giá trị nhỏ và thời gian thực hiện ngắn, trong khi đó thị trường việc làm ngày càng khó khăn, để có thể cạnh tranh được những hợp đồng phù hợp về giá trị và tiến độ và lợi nhuận đối với Công ty là rất khó khăn.

- Công tác thu hồi nợ các dự án đã thi công, công nợ cá nhân: Gặp rất nhiều khó khăn do việc thực hiện các biện pháp phòng tránh dịch bệnh dẫn đến các bộ phận nghiệp vụ không có đủ điều kiện để triển khai các bước trong công tác thu hồi vốn. Mặt khác Chủ đầu tư không có nguồn để thanh toán, một số dự án thua lỗ (giấy Phương Nam, giấy Bãi Bằng ...), một số dự án phải dừng triển khai (nhà máy gang thép Thái Nguyên); Công nợ một số cá nhân chưa thu hồi hết; Việc không thu hồi công nợ kịp thời cùng với phải nộp 18% thuế trên tổng doanh thu hóa đơn xuất ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán nợ của Công ty cũng như việc cung cấp vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán nợ thuế và nghĩa vụ ngân sách.

- Việc đầu tư không hiệu quả (dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu và đầu tư vào các công ty con). Vốn đầu tư quá lớn, hoàn toàn bằng vốn vay. Công tác quản lý đầu tư ngoài doanh nghiệp, việc buông lỏng quản lý các công ty con trong những năm trước đây đã và đang gây rất nhiều tổn thất cho công ty, mất toàn bộ vốn (công ty LILAMA 3.3 và LILAMA3.4) các công ty có vốn góp đều thua lỗ và ở tình trạng phá sản.

- Thị trường ngành xây lắp bị sụt giảm, cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị có cùng ngành nghề dẫn đến thị trường của Công ty bị sụt giảm và thu hẹp.

- Lỗi lũy kế lớn, vốn chủ sở hữu âm đã ảnh hưởng đến việc tìm kiếm, mở rộng và khai thác thị trường, công ty không thể tham gia đấu thầu mà chỉ làm thầu phụ dẫn đến đơn giá thấp, rủi ro trong thanh toán, cũng như khó khăn trong việc thực hiện các hợp đồng đã ký.

Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách, quản lý

- Phương án thực hiện tái cơ cấu mô hình tổ chức Công ty mẹ: Thực hiện tinh giảm biên chế và sáp nhập các phòng ban nhằm quản lý đồng bộ đã đem lại hiệu quả hơn.

2. Kế hoạch phát triển trong năm 2021 và trong tương lai:

2.1. Định hướng chiến lược năm 2021:

Tiếp tục duy trì sản lượng gia công chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn và xây dựng lắp đặt các công trình công nghiệp trên thị trường nội địa, đặc biệt chú trọng xây dựng uy tín, tạo dựng vị trí vững chắc trên thị trường.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mang đặc thù riêng của LILAMA 3 và các sản phẩm cơ khí có công nghệ và giá trị gia tăng cao.

- Hợp tác với các đơn vị có khả năng tài chính để cùng hợp tác tham gia thi công các dự án trọng điểm Quốc gia về Nhiệt điện, thủy điện và các công trình phụ trợ...

- Đẩy mạnh phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu đối với một số lĩnh vực kinh doanh do các Công ty con đảm nhận: Sản xuất và kinh doanh sơn công nghiệp, kinh doanh vật tư và thương mại, dịch vụ bảo dưỡng và bảo trì các công trình công nghiệp,...

3.2. Kế hoạch SXKD năm 2021:

Để hoạt động SXKD có hiệu quả thì công ty phải rất nỗ lực và cần có sự quan tâm giúp đỡ từ nhiều phía, đặc biệt là từ Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) trong việc cơ cấu tài chính thì mới đạt được doanh thu như kế hoạch. Do vậy Ban điều hành đưa ra mức doanh thu năm 2021 là 82,921 tỷ đồng.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tốc độ tăng trưởng (%)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Tỷ VNĐ	68.403	88.282	29,06%
2	Doanh thu chưa thuế	Tỷ VNĐ	73.400	82.921	12,9%
3	Nộp ngân sách	Tỷ VNĐ	6.367	10.045	57,7%
4	Quỹ lương	Tỷ VNĐ	22.826	29.188	27,87%
5	LĐ SD bình quân	Người	237	270	13,9%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	Tr.VNĐ	8.023	8.424	5%
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	-144.218	-12.970	
8	Dự kiến chia cổ tức	%	0	0	
9	Đầu tư	Tỷ VNĐ	4.268	0	

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh toán các công trình đã và đang thi công nhằm thu hồi vốn thanh toán nợ thuế qua đó giải tỏa cưỡng chế hóa đơn
- Tiếp tục ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021. Phần đầu giữ vững thị trường chế tạo sản phẩm cơ khí, sửa chữa bảo dưỡng bảo trì các dự án NM xi măng, NM giấy và hóa chất; NM Bia Hà Nội đã thực hiện trong năm 2019 và các năm trước.
- Đảm bảo công ăn việc làm và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động
- Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế đề ra trong năm 2021
- Ổn định thị trường xuất khẩu sản phẩm cơ khí, giữ vững mối quan hệ với các đối tác nước ngoài như CRI, Liên danh Vinaconex – Taisei (VINATA),
- Về đầu tư: Tiếp tục thực hiện quyết toán phần giá trị chưa được HĐQT phê duyệt tại dự án NM chế tạo cơ khí và đóng tàu bạch hạc và

3.3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021

Trong năm 2021, ban điều hành sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

Về công tác quản trị sản xuất:

- Tiếp tục củng cố, ổn định công tác quản lý sản xuất từ văn phòng Công ty xuống đến các Xí nghiệp, nhà máy.
- Củng cố công tác giám sát, quản lý thi công tại các công trình tiến tới đảm bảo tiến độ, chất lượng sản phẩm. Kịp thời lập và hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán với chủ đầu tư, quyết toán với công ty trong các hợp đồng giao khoán, thầu phụ.
- Xác định tổng chi phí đầu vào của từng dự án trên cơ sở dự toán thi công trước khi thi công. Giao khoán và ký các HĐ giao khoán với các đơn vị thi công và các nhà thầu phụ kịp thời. Thanh, quyết toán kịp thời các hợp đồng giao khoán.
- Ưu tiên dành nguồn tài chính để chi trả hoặc tạm ứng tiền lương hàng tháng đều đặn. Giải quyết chính sách tiền lương, chế độ cho người lao động, cải tiến chính sách chế độ tiền lương theo hướng linh hoạt hơn để đảm bảo sự công bằng, hợp lý và phù hợp với trình độ năng lực của từng người.
- Tổ chức đào tạo tại chỗ nhằm nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của người lao động nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc, có hình thức trả lương xứng đáng cho những lao động có tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty.
- Cung cấp vật tư kịp thời đáp ứng tiến độ của dự án ...để tránh lãng công đồng thời cân đối giá thành theo hướng tiết kiệm chi phí để bù đắp tăng quỹ lương và hỗ trợ bổ sung các nguồn lực khác nhằm tăng thu nhập cho người lao động...
- Tiếp tục xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Công ty đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

Về công tác tìm kiếm mở rộng thị trường:

- Sẽ tập trung tìm kiếm mở rộng thị trường, trong đó ưu tiên tìm kiếm những hợp đồng có giá trị lớn, chỉ thực hiện các hợp đồng nhỏ khi cần đảm bảo công ăn việc làm liên tục cho người lao động. Mở rộng thị trường bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy.

- Đẩy nhanh tiến trình tài cơ cấu tài chính, lành mạnh tình hình tài chính của Công ty, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh, công ty có thể tham gia đấu thầu mở rộng, tìm kiếm thị trường, nâng cao tỷ suất lợi nhuận, thuận lợi trong việc tiếp cận và huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về Tài chính:

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh toán các công trình đã và đang thi công nhằm thu hồi vốn thanh toán nợ thuế qua đó giải tỏa cưỡng chế hóa đơn.

- Bố trí kịp thời nguồn vốn phục vụ công tác thi công các công trình. Ưu tiên thanh toán lương cho người lao động, nợ đọng thuế. Về nợ đọng bảo hiểm xã hội: Thanh toán toàn bộ số BHXH, BHYT phát sinh trong năm và ưu tiên 1 phần nguồn để thanh toán trả nợ cụ.

- Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi vốn bằng việc phân công cụ thể rõ ràng cho từng cán bộ công nhân viên, giám sát chặt chẽ, đôn đốc xử lý kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện, thường xuyên theo dõi và đánh giá hiệu quả quản lý khoản nợ phải thu. Đa dạng các hình thức thu nợ, sử dụng dịch vụ thu hồi nợ của các công ty.

- Hoàn thiện phương án cơ cấu tài chính với DATC thông qua bàn giao tài sản cầm trả nợ, xóa nợ, tăng vốn điều lệ hoán đổi nợ qua đó làm tình hình tài chính của Công ty lành mạnh tạo thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Về tổ chức và lao động:

- Ưu tiên việc thanh toán lương và các chế độ cho người lao động, ưu tiên thanh toán số phát sinh bảo hiểm năm 2021, thanh toán đối với các trường hợp nghỉ chế độ.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Công ty.

- Tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động đáp ứng đủ nhu cầu nhân lực trong năm 2021.

Về việc đầu tư vào các công ty thành viên:

Thực hiện việc thoái toàn bộ vốn góp tại các công ty thành viên (trừ phần vốn góp của LILAMA 3 tại Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long), cụ thể:

- Đối với Công ty cổ phần LILAMA 3.3: Quý I-II/2021 thực hiện bán đấu giá phần vốn góp để thoái vốn

- Công ty cổ phần LILAMA 3.4: Hiện nay không có khả năng phục hồi, tuy nhiên do còn vướng mắc trong việc quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc do vậy kiến nghị: Sau khi hoàn thành quyết toán dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc, đối chiếu xác nhận công nợ, tiến hành thủ tục phá sản doanh nghiệp.

- Công ty TNHH LILAMA 3-DNT: Tìm kiếm đối tác chuyển nhượng phần vốn góp đảm bảo quyền lợi LILAMA 3, trường hợp không tìm kiếm được khách hàng tiến hành các thủ tục giải thể liên danh.

Về việc quản lý khai thác tài sản hiện có:

- Tiếp tục rà soát toàn bộ năng lực thiết bị thi công, tài sản của công ty, vật tư hàng hóa đang tồn đọng, thống nhất biện pháp quản lý và khai thác có hiệu quả. Thanh lý các tài sản khai thác không hiệu quả. Tìm kiếm khách hàng cho thuê xe, cầu, giàn giáo hiện có của Công ty.

- Đối với Nhà máy chế tạo cơ khí Bến Gót: Làm việc với các cơ quan có liên quan hoàn thiện hồ sơ gia hạn thời gian sử dụng đất và lên phương án khai thác hiệu quả tài sản này.

4. Giải trình ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

- Căn cứ Báo cáo tài chính Hợp nhất số 019/2021/BCKTHN-PB.00407 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần LILAMA3 do Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam-Chỉ nhánh phía Bắc phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2021 với việc từ chối đưa ra ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo. Để làm rõ nội dung này, Công ty cổ phần LILAMA3 xin giải trình như sau:

+ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đính kèm không bao gồm Hợp nhất báo cáo tài chính công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long do: cuối năm 2018 và đầu năm 2019 đơn vị mua lại 36% cổ phần của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long từ Tổng Công ty Thăng Long và mua lại 36% cổ phần từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Hiện đơn vị là Công ty mẹ của Công ty xây dựng số 8 Thăng Long với tỷ lệ 72% vốn cổ phần. Theo quy định đơn vị phải thực hiện hợp nhất bao gồm cả báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long tuy nhiên do Công ty này đã dừng hoạt động từ vài năm nay, chưa giải quyết được các tồn đọng cũ, các số liệu về báo cáo tài chính từ năm 2015;2016;2017;2018 của Công ty này cung cấp đều chưa được Kiểm toán. Do mới tiếp nhận lại và đang thực hiện nắm bắt lại tình hình thực tế tại Công ty này nên đơn vị chưa công nhận số liệu đã được cung cấp. Đơn vị đã lên kế hoạch mời đơn vị Kiểm toán vào rà soát kiểm tra lại các số liệu sổ sách, khi số liệu được Kiểm toán đơn vị sẽ thực hiện Hợp nhất báo cáo tài chính theo quy định.

+ Báo cáo tài chính năm 2017; 2018; 2019 và năm 2020 của Công ty cổ phần LILAMA3.4 chưa được kiểm toán là do Công ty này đã dừng hoạt động từ năm 2017, các cán bộ công nhân viên của công ty đã chuyển công tác, hiện tại Công ty đang tập trung giải quyết các vấn đề còn tồn đọng.

+ Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 4.110.000.000 đồng do sau khi mua lại khoản nợ phải thu của Công ty Cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long từ Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) và mua lại 72% cổ phần của Công ty CP xây dựng số 8 Thăng Long. Đơn vị có phát sinh Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty XD số 8 Thăng Long trong việc sử dụng, khai thác Văn phòng và nhà kho tại địa chỉ số 86 Tân Xuân- Phường Xuân Đình- Q.Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội. Sau khi hoàn thành biên bản đối chiếu, xác nhận khối lượng hoàn thành, công nợ, Đơn vị sẽ cản trừ một phần công nợ của hợp đồng hợp tác đầu tư để giảm nợ phải thu của Công ty XD số 8 Thăng Long nên đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng

+ Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đơn vị Kiểm toán chưa nhận được thư xác nhận của một số khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là do tình hình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp từ năm 2019 đến nay đặc biệt là trong khoảng thời gian từ Tháng 1 và 2 năm 2020 (thời gian để thu thập thông tin cung cấp cho kiểm toán) việc đối chiếu, xác nhận công nợ bị hạn chế trong phương thức trao đổi dẫn đến việc thống nhất xác nhận số liệu bị kéo dài, không kịp thời. Mặt khác cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh, suy thoái kinh tế, một số khách hàng đã tạm dừng hoạt động, thay đổi trụ sở làm việc, thay đổi pháp nhân dẫn đến đơn vị chưa có cơ sở xác nhận đối chiếu. Đối với công nợ tạm ứng chưa có đối chiếu là do đây là khoản công nợ cũ từ nhiều năm trở về trước công ty đã tạm ứng cho các đơn vị thi công các công trình, tuy nhiên các Đội trưởng của các đơn vị này hiện đã nghỉ việc từ lâu nên không thể ký được đối chiếu, Công ty cũng đã trích lập dự phòng những khoản công nợ này.

+ Công ty TNHH LILAMA3-Dai Nippon Toryo có số Lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 9.021.069.085 đồng, Công ty này đã có quyết định giải thể trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, hội đồng thành viên của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần vốn sở hữu của hai nhà đầu tư trong công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên khả năng cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty này phụ thuộc vào các điều kiện sau: Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ; Ban giám đốc Công ty Dai Nippon Co., Ltd phê duyệt sau khi công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ và ; Việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư của công ty về cơ cấu lại phần vốn chủ sở hữu hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba. Tuy nhiên hiện tại Quý 1/2021 việc thu hồi nợ vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, vẫn chưa thể hoàn thành ngay được, vì vậy vẫn chưa xác định được thời gian giải thể và công ty này vẫn đang hoạt động bình thường.

+ Khoản Lỗ lũy kế, khoản nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt quá Vốn chủ sở hữu là do việc đơn vị hạch toán chi phí lãi vay hàng năm của Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam(DATC) vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị. DATC là cổ đông lớn nhất đồng thời cũng là chủ nợ lớn nhất của Công ty đang triển khai kế hoạch tái cơ cấu tài chính Công ty trong đó sẽ thực hiện tăng vốn điều lệ và xóa một phần công nợ phải trả.

Vậy Công ty cổ phần LILAMA 3 xin giải trình cho Quý Cơ quan và Quý nhà đầu tư được biết.

III- Báo cáo của Hội đồng quản trị

A- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020

1. Thuận lợi, khó khăn:

Bên cạnh thuận lợi và khó khăn đã được nêu tại báo cáo của Ban điều hành, HĐQT đánh giá những thuận lợi và khó khăn chính sau đây đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020:

Thuận lợi:

- HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 đã có chỉ đạo rất kịp thời đối với những vấn đề tồn tại của doanh nghiệp trong công tác quản trị, ổn định tổ chức bộ máy của Công ty và các công ty thành viên.

Khó khăn:

- Việc thực hiện nghị quyết HĐQT của ban điều hành còn chậm, chưa đáp ứng được đầy đủ và đúng yêu cầu của HĐQT.

- Việc chưa hoàn thành phương án tái cơ cấu của DATC đã ảnh hưởng đến tình hình tài chính, chưa cải thiện được năng lực tài chính của công ty dẫn đến việc tìm kiếm mở rộng thị trường, thu hút nguồn nhân lực, thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019.

2. Cơ cấu HĐQT năm 2020:

Các thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ hiện tại	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Luu Văn Kính	Chủ tịch HĐQT	0	0%	Đại diện quản lý 10% vốn của DATC (tương ứng 515.000 cổ phần)

2	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	77.301	1,501%	
3	Phạm Công Hoan	Thành viên HĐQT/ Kế toán trưởng	77.648	1,508%	
4	Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	0	0%	Đại diện quản lý 24,87 % vốn của DATC (tương ứng 1.276.000 cổ phần)
5	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	0	0%	Đại diện quản lý 15% vốn của DATC (tương ứng 772.500 cổ phần)

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó:

- 02/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT điều hành, giữ chức vụ Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- 02/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT, HĐQTV tại các Công ty con
- 03/05 thành viên HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành.

3. Hoạt động của HĐQT trong năm 2020:

Hoạt động của HĐQT từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lưu Văn Kính	Chủ tịch	9	100%	
2	Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	9	100%	
3	Ông Phạm Công Hoan	Thành viên	9	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Thuyết	Thành viên	9	100%	
5	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên	9	100%	

- Tổng các cuộc họp của HĐQT trong năm 2020: 9

- Tổng số các nghị quyết/quyết định ban hành: 9

Trong năm 2020, HĐQT đã tập trung vào một số công tác sau:

- Thực hiện thoái vốn tại các công ty thành viên
- Đôn đốc Ban giám đốc có các giải pháp đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ, xử lý nợ phải thu tồn đọng trong nhiều năm; xử lý tài sản chậm luân chuyển.
- Bàn giao tài sản đảm bảo để DATC xử lý thu hồi nợ giúp công ty giảm bớt một phần chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, bảo quản, chi phí khấu hao hàng năm, giúp cho Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả hơn;

- Khai thác hiệu quả tài sản đảm bảo cho khoản nợ của Công ty số 8 Thăng Long bằng việc cải tạo nâng cấp sửa chữa khu nhà kho chú thiết bị và văn phòng làm việc tạo nguồn thu ổn định trong nhiều năm.

- Cơ cấu lại tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý của Công ty;

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020:

Thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về việc giao HĐQT Công ty nghiên cứu xem xét hồ sơ đề xuất của các Công ty kiểm toán và thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 thuộc một trong bốn đơn vị sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà nội (CPA Hà nội)
- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (AASCN)
- Công ty TNHH GRANT THORNTON (Việt Nam)

Sau khi xem xét, nghiên cứu và thảo luận, ngày 10/3/2021 HĐQT đã thống nhất lựa chọn: Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần LILAMA 3.

5. Kết quả giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

- HĐQT đã bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình về giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo mọi hoạt động của doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật, triển khai thực hiện đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

- HĐQT luôn xem xét một cách khách quan, dân chủ, cẩn trọng và kỹ lưỡng trước khi quyết định phê duyệt đề xuất của Tổng giám đốc nhằm mang lại lợi ích tối đa và hạn chế rủi ro ở mức thấp nhất cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Từng bước hoàn thiện cơ chế và chuẩn hóa quy trình hoạt động của doanh nghiệp, thuận lợi cho quá trình điều hành của Tổng giám đốc được thể hiện qua các quy chế, quy định quản trị nội bộ. Phân cấp toàn bộ cho Tổng giám đốc trong việc đàm phán, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế nhằm đảm bảo tính chủ động, kịp thời trong việc kiến tạo các hợp đồng kinh tế mới trên nguyên tắc đảm bảo có hiệu quả (không bị thua lỗ) và chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hiệu quả kinh tế của các hợp đồng kinh tế.

- HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ với Tổng giám đốc thực hiện những giải pháp hợp lý nhằm kích thích những yếu tố tích cực, khắc phục kịp thời các mặt hạn chế; công khai minh bạch mọi hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, cổ đông và người lao động có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, kiểm tra, kiểm soát tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

- Các nội dung giám sát và chỉ đạo thực hiện, cụ thể:

+ Công tác chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty và các công ty thành viên;

+ Công bố thông tin theo quy định và pháp luật hiện hành;

+ Việc kiến tạo, ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế;

+ Công tác xử lý tài sản, thu hồi công nợ, đặc biệt là công nợ cá nhân;

+ Việc tái cơ cấu tài chính với DATC;

- + Công tác quyết toán các dự án đầu tư;
- + Đánh giá, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng quý, đề ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời Tổng giám đốc thực hiện có hiệu quả cao nhất.

6. Về mối quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát Công ty:

HĐQT trong các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ của mình đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của BKS (các cuộc họp, làm việc của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự, cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ, tài liệu có liên quan để BKS thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ).

HĐQT ghi nhận, tiếp thu và có biện pháp thực hiện ngay các kiến nghị của BKS.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Nhận định chung:

Công ty đang trong bối cảnh hết sức khó khăn từ thiếu công ăn việc làm, tình hình tài chính gặp rất nhiều khó khăn, lỗ lũy kế lớn, kéo dài chưa được khắc phục, nợ ngân sách nhà nước lớn, chế độ người lao động chưa được giải quyết kịp thời, nhân lực thiếu và hạn chế, năng lực thi công yếu kém, nhiều tồn tại vướng mắc đã kéo dài trong nhiều năm nhưng chưa được tháo gỡ, xử lý dứt điểm. Bên cạnh những khó khăn và thuận lợi đã được Ban điều hành chỉ ra trong báo cáo. HĐQT nhận định thêm một số yếu tố sau sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trong năm 2020:

- Việc tái cơ cấu tài chính của DATC thông qua giảm trừ nghĩa vụ trả nợ, giảm lãi phải trả, tăng vốn điều lệ thông qua hoán đổi nợ. Việc tái cơ cấu tài chính thành công bên cạnh việc giảm nghĩa vụ, áp lực tài chính sẽ có ảnh hưởng rất quan trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Việc thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc quyết toán nội bộ giữa các công ty thành viên tiến hành còn chậm, chưa giải quyết dứt điểm để có phương án thoái vốn khỏi các công ty con.

2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2021:

Các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 như đã trình bày tại báo cáo của Ban điều hành:

3. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2021:

Trong năm 2021, HĐQT sẽ tập trung thực hiện các giải pháp sau:

3.1. Giải pháp về quản trị:

- Xem xét cho ý kiến kịp thời những đề xuất của Ban giám đốc nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết văn bản chỉ đạo của Người đại diện phần vốn tại các công ty con, trong công tác quản lý vốn, tài sản tại các công ty này;

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành trong công tác tìm kiếm, mở rộng thị trường;

3.2. Giải pháp về tài chính:

- Phối hợp và làm việc với DATC sớm hoàn thành phương án tổng thể tái cơ cấu tài chính đối với Công ty.

- Quyết liệt chỉ đạo công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn của các công trình, công nợ các cá nhân.

- Đôn đốc, giám sát việc rà soát lại toàn bộ năng lực tài sản, thiết bị của Công ty. Giám sát việc thanh lý, chuyển nhượng các tài sản, thiết bị khai thác không hiệu quả theo quy định.

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc quản lý dòng tiền hợp lý, đa dạng hóa phương án huy động vốn; kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh; chi phí đầu tư đảm bảo nguồn tài chính để đảm bảo cung cấp kịp thời vật tư, thiết bị, nhân lực hoàn thành tốt công tác thi công các dự án trong năm 2021, thanh toán kịp thời lương và các chế độ cho người lao động, nợ với cơ quan nhà nước. Xây dựng kế hoạch thanh toán và trả nợ cho DATC.

- Hoàn thành việc thoái vốn tại các công ty thành viên, trường hợp thoái vốn không thành công thì tiến hành phá sản.

- Tập trung quyết toán dứt điểm dự án nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu Bạch Hạc. Làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư dự án Nhà máy Bạch Hạc và tồn thất tài sản tại 927 Hùng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Lựa chọn sử dụng đơn vị kiểm toán có uy tín để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, kết hợp công khai minh bạch thông tin theo quy định của pháp luật đối với các công ty niêm yết.

3.3. Giải pháp về tổ chức, bộ máy:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, giám sát việc thực hiện công tác này.

- Xây dựng chính sách rõ ràng, minh bạch đúng đắn trong việc sử dụng cán bộ, người lao động, đặc biệt là các cán bộ, người lao động có trình độ và tâm huyết với Công ty.

IV. Kế hoạch kiểm soát năm 2021 của Ban kiểm soát

Nhiệm vụ chung:

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Trong năm 2021, Ban kiểm soát sẽ tiến hành kiểm soát định kỳ, thời gian thực hiện cụ thể sẽ được thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban chức năng chuẩn bị hồ sơ tài liệu trước ít nhất 1 tuần.

Nhiệm vụ cụ thể:

a. Quý I năm 2021:

- Xem xét các Báo cáo tài chính năm 2020;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành ;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b. Quý II năm 2021:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I năm 2021;
- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các vấn đề khác.

c. Quý III năm 2021:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2021;
- Xem xét Báo cáo tài chính 6 tháng;
- Các vấn đề khác.

d. Quý IV năm 2021

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2021 và ước thực hiện cả năm 2021;
- Tình hình xử lý các vấn đề tồn tại;
- Các vấn đề khác.

V. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 dự kiến sẽ được tổ chức trước ngày 30/06/2020.

- Tiền lương: Kế hoạch tiền lương đối với thành viên HĐQT chuyên trách được thanh toán theo quy chế của công ty, được xác định gắn với chỉ tiêu sản xuất kinh doanh kế hoạch so với thực hiện của năm liền kế trước đó.

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Công ty không chuyên trách: Dự kiến giữ nguyên như mức thù lao như năm 2020, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số tháng làm việc	Tiền thu lao tháng	Tiền thu lao năm	Ghi chú
1	Lưu Văn Kính	Chủ tịch HĐQT	12	3.000.000	36.000.000	
2	Nguyễn Tiến Thành	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
3	Phạm Công Hoan	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
4	Nguyễn Văn Thuyết	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
5	Nguyễn Quốc Khánh	TV.HĐQT	12	2.500.000	30.000.000	
6	Phạm Xuân Rạng	Trưởng BKS	12	2.500.000	30.000.000	
7	Trần Huy Long	Kiểm soát viên	12	2.000.000	24.000.000	
8	Hoàng Mạnh Quảng	Kiểm soát viên	12	2.000.000	24.000.000	
9	Vũ thị Thu Hương	Thư ký	12	1.500.000	18.000.000	
	Tổng cộng			21.000.000	252.000.000	

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo xin ý kiến ĐHĐCĐ xem xét thông qua để triển khai thực hiện.

2. *Giao dịch cổ phiếu với cổ động nội bộ*: Không

3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không

4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty*:

- Công ty tiếp tục chỉ đạo xây dựng đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty giai đoạn 2021-2022, tầm nhìn đến năm 2025
- Công ty cần có biện pháp đẩy mạnh công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn tại các công trình, nhất là các khoản nợ đọng, các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản nợ tạm ứng nhằm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Công ty cần đẩy nhanh thi công, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu thanh toán, giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tăng vòng quay vốn lưu động nhằm giảm khả năng thanh toán.

- Công ty cần tập trung chỉ đạo công tác quyết toán khoán của đơn vị, đẩy mạnh công tác khoán tới từng đơn vị, xí nghiệp, tổ, đội công trình. Xây dựng quy chế khoán phù hợp với thời điểm hiện nay.
- Công ty cần tập trung quyết toán dứt điểm Dự án nhà máy chế tạo cơ khí và Đóng tàu Bạch hạc.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty còn phải đầu tư nhiều hơn cho việc phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh trong năm tới, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.
- Trong công tác lập báo cáo tài chính, tổ chức đại hội đồng cổ đông đề nghị công ty cần thực hiện theo đúng thời gian quy định tại điều lệ của Công ty, ủy ban chứng khoán cũng như theo yêu cầu về thời gian nộp báo cáo của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam
- Xây dựng đơn giá tiền lương năm 2021 phù hợp, đúng quy định hiện hành. Chi phí tiền lương phải gắn liền với hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tăng cường công tác kế hoạch, dự báo, hợp định kỳ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch kỳ tới nhằm chỉ đạo kịp thời thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mà Đại hội cổ đông đã thông qua

VI. Báo cáo tài chính

1/ Báo cáo tài chính riêng Kiểm toán 2020

Số: 019/2021/BCKTR-PB.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh gồm “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng lên, “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng lên và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 46 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 23 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2020 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.

Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (144.218.276.933) đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là (542.302.987.574) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là (469.145.559.225) đồng. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 479.901.370.974 đồng. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giảm yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 135A/BCKT/TC ngày 09/4/2020, theo đó Kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc: Trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng; Không xác định được giá trị tổn thất có thể phát sinh liên quan đến tồn thất của dự án nhà máy đóng tàu Bạch Bạc; Chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả và khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

ONG THỂ ĐỨC

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.650.074.156	119.434.212.791
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	223.624.766	75.121.027
1. Tiền	111		223.624.766	75.121.027
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.592.216.708	83.812.715.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	100.395.770.121	96.490.466.169
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.329.848.214	5.952.129.873
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	28.996.545.662	30.549.427.263
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(49.687.823.238)	(49.737.183.515)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	557.875.949	557.875.949
IV. Hàng tồn kho	140		22.550.170.039	35.262.313.382
1. Hàng tồn kho	141	5.6	22.550.170.039	35.262.313.382
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.062.643	284.062.643
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.062.643	284.062.643
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.755.811.749	219.681.432.016
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.569.760.039	94.245.606.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.569.760.039	94.245.606.823
- Nguyên giá	222		37.132.085.520	176.786.864.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.562.325.481)	(82.541.257.476)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		41.620.000	41.620.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.620.000)	(41.620.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.078.651.598	122.504.206.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.078.651.598	122.504.206.520
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	1.213.254.766	1.472.994.532
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.929.000.000	17.929.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.715.745.234)	(16.456.005.468)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.894.145.346	1.458.624.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.894.145.346	1.458.624.141
TỔNG TÀI SẢN	270		120.405.885.905	339.115.644.807

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		589.551.445.130	664.042.927.099
I. Nợ ngắn hạn	310		589.551.445.130	664.042.927.099
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	74.914.625.459	81.638.468.346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.473.835.603	7.770.159.402
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	11.653.139.358	11.288.785.316
4. Phải trả người lao động	314		5.277.692.037	7.702.590.679
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	15.257.122.811	10.382.195.843
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	65.876.947.640	64.971.803.166
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	407.077.822.487	480.268.664.612
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.259.735	20.259.735
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(469.145.559.225)	(324.927.282.292)
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	(469.145.559.225)	(324.927.282.292)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.250.000.000	14.250.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.173.239.116	7.173.239.116
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		234.189.233	234.189.233
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(542.302.987.574)	(398.084.710.641)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(398.084.710.641)	(359.694.595.446)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		120.405.885.905	339.115.644.807

Nguyễn Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	73.400.705.123	110.105.258.555
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		73.400.705.123	110.105.258.555
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	73.323.459.706	106.528.599.269
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.245.417	3.576.659.286
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.583.583	1.212.897.022
7. Chi phí tài chính	22	6.4	18.032.401.183	25.981.723.818
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		17.772.661.417	21.239.262.825
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		7.537.392.382	13.673.441.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.490.964.565)	(34.865.608.592)
11. Thu nhập khác	31	6.5	767.113.109	1.313.975.950
12. Chi phí khác	32	6.6	119.494.425.477	4.838.482.553
13. Lợi nhuận khác	40		(118.727.312.368)	(3.524.506.603)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Theo PP gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(144.218.276.933)	(38.390.115.195)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.401.872.441	7.857.767.292
- Các khoản dự phòng	03		210.379.489	12.000.413.419
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		114.800.849.682	(253.619.988)
- Chi phí lãi vay	06		17.772.661.417	21.239.262.825
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.032.513.904)	2.453.708.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.730.140.692)	15.306.477.679
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.712.143.343	4.822.736.380
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.485.371.415)	(23.190.768.111)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.435.521.205)	447.952.633
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.587.929.846)	(2.967.377.945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.559.333.719)	(3.127.271.011)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.711.781.818)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.897.096.000	250.681.818
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.280.000.000)
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.583.583	2.938.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		90.898.679.583	(3.738.161.830)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		61.868.974.614	60.109.576.313
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(135.059.816.739)	(54.950.447.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.190.842.125)	5.159.128.509
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		148.503.739	(1.706.304.332)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	75.121.027	1.781.425.359
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	223.624.766	75.121.027

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kê toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31/12/2020, công ty có 4 công ty con và 2 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Lilama 3.3	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	79,48%
Công ty cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, tp. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%
Xí nghiệp Lilama 3.1	Cụm CN Bạch Hạc, tp. Việt Trì, Phú Thọ	Chi nhánh
Trung tâm tư vấn thiết kế	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	Chi nhánh

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản cố nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch giao hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công cụ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	30.477.093	6.880.432
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	193.147.673	68.240.595
Cộng	223.624.766	75.121.027

5.2 Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	94.246.211.281	90.234.202.862
- Công ty Cổ Phần TCE Vina DENIM	19.276.000.000	19.276.000.000
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	11.727.140.689	16.863.299.347
- Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2	9.788.050.031	3.759.978.753
- Khách hàng khác	53.455.020.561	50.334.924.762
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	6.149.558.840	6.256.263.307
- Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	4.110.000.000	4.110.000.000
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	2.039.558.840	2.146.263.307
Cộng	100.395.770.121	96.490.466.169

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	28.996.545.662	(7.892.648.559)	30.549.427.263	(7.942.008.836)
Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	84.203	-	84.203	-
Phải thu khác	22.084.049.965	(3.521.925.754)	24.132.498.544	(3.559.356.045)
Tạm ứng	6.912.411.494	(4.370.722.805)	6.416.844.516	(4.382.652.791)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	28.996.545.662	(7.892.648.559)	30.549.427.263	(7.942.008.836)

5.4 Nợ xấu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng	39.939.295.280	(39.900.265.097)	39.939.295.280	(39.900.265.097)
- Công ty cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tcty giấy VN)	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	2.483.932.675	(2.483.932.675)	2.483.932.675	(2.483.932.675)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	1.915.071.667	(1.915.071.667)	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Cty Cổ phần LILAMA5	1.841.160.504	(1.841.160.504)	1.841.160.504	(1.841.160.504)
- Công ty TNHH MTV Phiabjooc	1.455.082.688	(1.455.082.688)	1.455.082.688	(1.455.082.688)
- Công ty Cổ phần LILAMA Thí nghiệm cơ điện	1.240.824.355	(1.240.824.355)	1.240.824.355	(1.240.824.355)
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	1.027.882.745	(1.027.882.745)	1.027.882.745	(1.027.882.745)
- Đối tượng khác	10.655.252.172	(10.616.221.989)	10.655.252.172	(10.616.221.989)
b. Phải thu khác	7.892.648.559	(7.892.648.559)	8.229.348.636	(7.942.008.836)
- Tạm ứng nhân viên	4.370.722.805	(4.370.722.805)	4.412.652.791	(4.382.652.791)
- Đối tượng khác	3.521.925.754	(3.521.925.754)	3.816.695.845	(3.559.356.045)
b. Trả trước cho người bán	1.894.909.582	(1.894.909.582)	1.894.909.582	(1.894.909.582)
- Công ty cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	1.026.721.445	(1.026.721.445)	1.026.721.445	(1.026.721.445)
Cộng	49.726.853.421	(49.687.823.238)	50.063.553.498	(49.737.183.515)

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tài sản khác		557.875.949		557.875.949
Cộng	-	557.875.949	-	557.875.949

5.6 Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.749.110.713	-	1.650.922.415	-
Công cụ, dụng cụ	1.338.538	-	19.023.447	-
Chi phí SXKD dở dang	20.799.720.788	-	33.592.367.520	-
Cộng	22.550.170.039	-	35.262.313.382	-

5.7 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	2.894.145.346	1.458.624.141
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.894.145.346	418.881.849
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	1.039.742.292
- Các khoản khác	-	-
Cộng	2.894.145.346	1.458.624.141

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	41.620.000	41.620.000
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	41.620.000	41.620.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	41.620.000	41.620.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	41.620.000	41.620.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3
 Địa chỉ: Số 86 Tôn Xuân, phường Xuân, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BỐ CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị đụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	88.362.687.915	72.778.825.753	14.703.068.161	942.282.470	-	176.786.864.299
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(87.902.087.408)	(50.528.177.770)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(139.654.778.779)
Số cuối năm	460.600.507	22.250.647.983	13.946.912.031	473.924.999	-	37.132.085.520
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	25.566.033.383	42.616.900.324	13.425.305.186	933.018.583	-	82.541.257.476
- Khấu hao trong năm	1.737.708.367	2.512.848.322	142.051.863	9.263.887	-	4.401.872.439
- Thanh lý, nhượng bán	(26.843.141.243)	(27.313.149.590)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(55.380.804.434)
Số cuối năm	460.600.507	17.816.599.056	12.811.200.919	473.924.999	-	31.562.325.481
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	62.796.654.532	30.161.925.429	1.277.762.975	9.263.887	-	94.245.606.823
Số cuối năm	-	4.434.048.927	1.135.711.112	-	-	5.569.760.039

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.10 Tài sản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc	-	121.600.423.358
Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
Hạ tầng khu C	500.741.300	325.872.864
Cộng	<u><u>1.078.651.598</u></u>	<u><u>122.504.206.520</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	17.929.000.000	1.213.254.766	17.929.000.000	1.472.994.532
- Công ty cổ phần Lilama 3.3	4.845.000.000	-	4.845.000.000	-
- Công ty cổ phần Lilama 3.4	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	5.814.000.000	1.213.254.766	5.814.000.000	1.472.994.532
- Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	-	4.280.000.000	-
Cộng	17.929.000.000	1.213.254.766	17.929.000.000	1.472.994.532

5.12 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	74.914.625.459	74.914.625.459	81.638.468.346	81.638.468.346
- Công ty CP Thép Tân Hưng	11.032.855.207	11.032.855.207	11.132.855.207	11.132.855.207
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON(Liên danh CT Dệt)	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747
- Phải trả khác	44.107.861.505	44.107.861.505	50.731.704.392	50.731.704.392
b. Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	3.552.473.664	3.552.473.664	3.628.473.664	3.628.473.664
- Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	1.780.352.518	1.780.352.518	1.756.352.518	1.756.352.518
- Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	1.772.121.146	1.772.121.146	1.872.121.146	1.872.121.146
Cộng	74.914.625.459	74.914.625.459	81.638.468.346	81.638.468.346

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong	Số cuối năm
	VND	trong năm VND	năm VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	11.288.785.316	4.740.043.212	4.375.689.170	11.653.139.358
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	8.873.799.421	3.826.446.725	2.537.588.838	10.162.657.308
- Thuế thu nhập cá nhân	972.410.034	253.164.710	-	1.225.574.744
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	34.249.731	-	-	34.249.731
- Các loại thuế khác	1.408.326.130	660.431.777	1.838.100.332	230.657.575
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	11.288.785.316	4.740.043.212	4.375.689.170	11.653.139.358

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.14 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	15.257.122.811	10.382.195.843
- Trích trước chi phí công trình	7.432.824.199	5.573.598.273
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	5.122.267.697	4.794.994.970
- Trích trước chi phí tiền lương	-	13.602.600
- Trích trước chi phí khác	2.702.030.915	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	15.257.122.811	10.382.195.843

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	65.876.947.640	64.971.803.166
- Kinh phí công đoàn	1.430.203.479	1.517.300.536
- Bảo hiểm xã hội	31.444.725.994	28.785.036.940
- Bảo hiểm y tế	2.379.865.784	1.958.320.605
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.599.997.656	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	28.022.154.727	30.298.689.794
+ Đoàn phí công đoàn	939.596.569	931.286.763
+ Phải trả các tổ đội thi công	15.712.733.598	15.788.029.902
+ Phải trả đối tượng khác	11.369.824.560	13.579.373.129
b. Dài hạn	-	-
Cộng	65.876.947.640	64.971.803.166

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	Vay ngắn hạn	407.077.822.487	407.077.822.487	61.868.974.614	135.059.816.739	480.268.664.612	480.268.664.612
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾	28.994.375.993	28.994.375.993	39.633.220.204	40.574.016.739	29.935.172.528	29.935.172.528
-	Vay cá nhân	3.736.000.000	3.736.000.000	7.320.000.000	4.280.000.000	696.000.000	696.000.000
-	Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toroyo	1.450.000.000	1.450.000.000		50.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽²⁾	372.897.446.494	372.897.446.494	14.915.754.410	90.155.800.000	448.137.492.084	448.137.492.084
	Cộng	407.077.822.487	407.077.822.487	61.868.974.614	135.059.816.739	480.268.664.612	480.268.664.612

⁽¹⁾ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/399106/HĐTD ngày 28/10/2020 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/08/2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các theo Hợp đồng Tài sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

⁽²⁾ Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2020 số tiền nợ gốc là 177.929.292.192 đồng, số tiền lãi là 194.968.154.302 đồng. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:

- Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sàn nâng CYNCROLIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

- Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mương Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Toóng.

- Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 đồng. Cùng với đó là 2.563.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần.

5.17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
01/01/2019	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(359.694.595.446)	(286.537.167.097)	-	-	(38.390.115.195)	(38.390.115.195)	-
- Tăng vốn trong năm trước											
- Lãi/(lỗ) trong năm trước											
31/12/2019	<u>51.500.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>	<u>7.173.239.116</u>	<u>234.189.233</u>	<u>(398.084.710.641)</u>	<u>(324.927.282.292)</u>					
01/01/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	7.173.239.116	234.189.233	(398.084.710.641)	(324.927.282.292)					
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-					
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	(144.218.276.933)	(144.218.276.933)					
31/12/2020	<u>51.500.000.000</u>	<u>14.250.000.000</u>	<u>7.173.239.116</u>	<u>234.189.233</u>	<u>(542.302.987.574)</u>	<u>(469.145.559.225)</u>					

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	25.630.000.000	25.630.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

5.17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu	73.400.705.123	110.105.258.555
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.400.705.123	110.105.258.555
Cộng	73.400.705.123	110.105.258.555

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	73.323.459.706	106.528.599.269
Cộng	73.323.459.706	106.528.599.269

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.583.583	2.938.170
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.209.958.852
Cộng	1.583.583	1.212.897.022

6.4 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	17.772.661.417	21.239.262.825
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	259.739.766	4.742.460.993
Cộng	18.032.401.183	25.981.723.818

6.5 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Bán phế liệu	741.296.000	1.056.303.645
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	250.681.818
- Các khoản khác	25.817.109	6.990.487
Cộng	767.113.109	1.313.975.950

6.6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	116.260.766.532	-
- Các khoản bị phạt	2.904.206.212	2.918.135.511
- Bán vật tư	324.452.733	1.898.346.785
- Các khoản chi phí khác	5.000.000	22.000.257
Cộng	119.494.425.477	4.838.482.553

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	21.295.072.372	35.879.984.146
- Chi phí nhân công	23.252.623.598	32.694.577.371
- Khấu hao tài sản cố định	4.401.872.439	7.857.767.292
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.622.092.531	21.507.686.669
- Chi phí bằng tiền khác	1.496.544.416	12.434.470.162
Cộng	68.068.205.356	110.374.485.640

6.8 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.624.766	75.121.027
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.392.315.783	127.039.893.432
Đầu tư dài hạn	1.213.254.766	1.472.994.532
Cộng	130.829.195.315	128.588.008.991
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	407.077.822.487	480.268.664.612
Phải trả người bán và phải trả khác	102.936.780.186	114.349.613.431
Chi phí phải trả	15.257.122.811	10.382.195.843
Cộng	525.271.725.484	605.000.473.886
Trạng thái ròng	(394.442.530.169)	(476.412.464.895)

Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lí rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	407.077.822.487	-	407.077.822.487
Phải trả người bán và phải trả khác	102.936.780.186	-	102.936.780.186
Chi phí phải trả	15.257.122.811	-	15.257.122.811
Cộng	525.271.725.484	-	525.271.725.484
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	480.268.664.612	-	480.268.664.612
Phải trả người bán và phải trả khác	114.349.613.431	-	114.349.613.431
Chi phí phải trả	10.382.195.843	-	10.382.195.843
Cộng	605.000.473.886	-	605.000.473.886

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	223.624.766	-	223.624.766
Phải thu khách hàng và phải thu khác	129.392.315.783	-	129.392.315.783
Đầu tư dài hạn	-	1.213.254.766	1.213.254.766
Cộng	129.615.940.549	1.213.254.766	130.829.195.315
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.121.027	-	75.121.027
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.039.893.432	-	127.039.893.432
Đầu tư dài hạn	-	1.472.994.532	1.472.994.532
Cộng	127.115.014.459	1.472.994.532	128.588.008.991

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.9 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 Thông tin khác

7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	884.777.149	855.743.781
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	884.777.149	855.743.781

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	14.915.754.410
		Thanh toán nợ gốc	90.155.800.000
Công ty TNHH Lilama 3 Dai Nippon Toryo	Công ty con	Lãi vay phải trả	134.575.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay	(372.897.446.494)
Công ty TNHH Lilama 3 Dai Nippon Toryo	Công ty con	Vay	(1.450.000.000)
		Phải trả người bán	(1.772.121.146)
		Phải thu khác	3.192.000
Công ty Cổ Phần LILAMA3.3	Công ty con	Phải thu khách hàng	2.039.558.840
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.110.000.000
Công ty Cổ Phần LILAMA3.4	Công ty con	Phải trả người bán	(1.780.352.518)
		Phải thu khác	193.448.671

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Đến thời điểm 31/12/2020 khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty là (542.302.987.574) đồng, nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 479.901.370.974 đồng. Các chỉ tiêu nêu trên cho thấy Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn trả trong điều kiện hoạt động bình thường. Ban Tổng Giám đốc đã có kế hoạch mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021 sẽ khả quan, do đó theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Công ty vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

2/ Báo cáo tài chính Hợp nhất

Số: 019/2021/BCKTHN-PB.00407

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 3 (sau đây gọi là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đính kèm không bao gồm hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long theo quy định hiện hành. Chúng tôi không được cung cấp các bằng chứng, hồ sơ kiểm toán nào liên quan đến nguyên nhân không thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long cũng như không được cung cấp Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty này. Do đó, chúng tôi không đánh giá

được ảnh hưởng của việc nếu thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

- Báo cáo tài chính năm 2017, 2018, 2019 và 2020 của Công ty cổ phần Lilama 3.4 chưa được kiểm toán. Do hạn chế về phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thể xác định được tính hiện hữu và tồn tại của tổng giá trị tài sản 28.394.459.795 đồng của Công ty con này tại ngày 31/12/2020 khi hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất và cũng không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu chênh lệch ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 hay không.
- Tại ngày 31/12/2020, Công ty đang trích lập thiếu dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền là 4.110.000.000 đồng. Nếu thực hiện trích lập dự phòng bổ sung nợ phải thu khó đòi sẽ làm cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh gồm “Chi phí quản lý doanh nghiệp” tăng lên, “Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán gồm: “Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi” tăng lên và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” giảm đi số tiền là 4.110.000.000 đồng.
- Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH Lilama 3 – Dai Nippon Toryo được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số 20-02-00569-21-1 ngày 19/3/2020, theo đó Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về giá trị hoạt động liên tục (lỗ thuần sau thuế năm 2020 của Công ty là 509.293.659 đồng, lỗ lũy kế đến 31/12/2020 là 9.021.069.085 đồng). Ngày 05/12/2021, Hội đồng thành viên Công ty đã họp và quyết định sẽ giải thể Công ty trong năm 2018 sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty. Ý định này của Hội đồng thành viên đã được ghi lại trong biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty vào ngày 05/12/2017. Tại ngày của Báo cáo này, Hội đồng thành viên của Công ty chưa đưa ra quyết định chính thức giải thể doanh nghiệp vì các nhà đầu tư đang xem xét hai khả năng i) tiếp tục giải thể Công ty sau khi xử lý xong các tài sản và nghĩa vụ của Công ty; hoặc ii) cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ 3. Tuy nhiên, khả năng cơ cấu lại phần sở hữu của hai nhà đầu tư trong Công ty này phụ thuộc vào các sự kiện sau:

- Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ;

- Ban giám đốc Công ty phê duyệt sau khi Công ty hoàn tất việc xử lý các tài sản và nghĩa vụ; và

- Việc đạt được thỏa thuận giữa hai nhà đầu tư của Công ty về cơ cấu lại phần vốn chủ sở hữu hoặc chuyển nhượng phần vốn cho bên thứ ba.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty được lập dựa vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty con này.

- Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được các thư xác nhận của các khoản công nợ phải thu khách hàng với giá trị khoảng 46 tỷ đồng, công nợ phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng) với giá trị khoảng 5 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn với giá trị khoảng 23 tỷ đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nêu trên. Do vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với số dư công nợ phải thu và các khoản công nợ phải trả nêu trên tại ngày 31/12/2020 cũng như việc ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020.
- Trong năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục lỗ với số tiền là (144.434.756.603) đồng, khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 là (569.215.148.610) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu là (495.625.433.638) đồng. Bên cạnh đó, các khoản nợ phải trả ngắn hạn vượt so với tài sản ngắn hạn với giá trị là 513.973.592.820 đồng. Các dấu hiệu trên cho thấy khả năng hoạt động liên tục của Công ty tùy thuộc vào việc đầu tư tiếp tục của các Cổ đông và việc giãn yêu cầu thanh toán của các chủ nợ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng nào liên quan đến vấn đề nêu trên do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề được nêu tại đoạn “cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số 135B/BCKT/TC ngày 09/4/2020, theo đó Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

ONG THẾ ĐỨC

Phó Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0855-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.764.300.971	163.800.516.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.221.915.765	1.255.078.981
1. Tiền	111		1.221.915.765	1.255.078.981
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.231.541.864	96.515.605.327
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	115.701.685.676	107.123.302.963
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.622.401.709	9.219.343.087
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	33.051.209.840	35.305.409.373
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(56.520.439.542)	(56.509.134.277)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.5	1.376.684.181	1.376.684.181
IV. Hàng tồn kho	140		41.766.612.710	64.134.019.332
1. Hàng tồn kho	141	5.6	41.766.612.710	64.134.019.332
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		544.230.632	1.895.812.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	57.999.998	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		431.780.888	1.841.363.148
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		54.449.746	54.449.746
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.164.654.228	219.039.070.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.803.196.477	94.525.278.242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	5.803.196.477	94.525.278.242
- Nguyên giá	222		44.546.403.881	184.866.398.051
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.743.207.404)	(90.341.119.809)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	-
- Nguyên giá	228		135.265.000	135.265.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.265.000)	(135.265.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	1.078.651.598	122.504.206.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.078.651.598	122.504.206.520
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.280.000.000	4.280.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.280.000.000)	(4.280.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.282.806.153	2.009.585.798
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.282.806.153	2.009.585.798
TỔNG TÀI SẢN	270		156.928.955.199	382.839.587.094

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		660.749.145.678	742.032.308.798
I.	Nợ ngắn hạn	310		660.737.893.791	742.021.056.911
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	89.991.409.180	100.488.121.516
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.380.381.603	15.983.077.574
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	15.062.442.738	14.632.610.888
4.	Phải trả người lao động	314		6.893.880.131	9.297.751.774
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	23.313.521.372	17.304.125.296
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	98.965.216.633	100.049.102.383
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	411.040.668.823	484.175.894.169
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		90.373.311	90.373.311
II.	Nợ dài hạn	330		11.251.887	11.251.887
1.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		11.251.887	11.251.887
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(503.820.190.479)	(359.192.721.704)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	5.16	(503.820.190.479)	(359.192.721.704)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		51.500.000.000	51.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		51.500.000.000	51.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		14.250.000.000	14.250.000.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		7.520.905.007	7.520.905.007
4.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		318.809.965	318.809.965
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(569.215.148.610)	(424.846.542.542)
	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(424.780.392.007)	(376.824.853.982)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(144.434.756.603)	(48.021.688.560)
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(8.194.756.841)	(7.935.894.134)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG NGUỒN VỐN	440		156.928.955.199	382.839.587.094

Nguyễn Tiến Thành
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
 Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	99.783.442.091	126.909.379.652
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.783.442.091	126.909.379.652
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	95.362.349.139	131.256.823.374
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.421.092.952	(4.347.443.722)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	137.187.597	1.227.704.732
7. Chi phí tài chính	22	6.4	18.936.411.252	26.445.058.652
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.907.130.525	21.900.144.031
8. Chi phí bán hàng	25		190.503.051	207.948.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.851.125.789	17.317.285.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.419.759.543)	(47.090.031.484)
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.247.084.239	1.318.270.079
12. Chi phí khác	32	6.6	120.520.944.007	5.210.673.231
13. Lợi nhuận khác	40		(119.273.859.768)	(3.892.403.152)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(144.693.619.311)	(50.982.434.636)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(144.693.619.311)	(50.982.434.636)
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(144.434.756.603)	(48.021.688.560)
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(258.862.708)	(2.960.746.076)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(28.046)	(9.325)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(28.046)	(9.325)

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Theo PP gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(144.693.619.311)	(50.982.434.636)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.401.872.441	7.927.046.208
- Các khoản dự phòng	03		11.305.265	11.619.373.286
- (Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá	04		-	96.078.073
- (Lãi) hoạt động đầu tư	05		114.711.480.649	(404.987.394)
- Chi phí lãi vay	06		17.772.661.417	22.037.019.031
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.796.299.539)	(9.707.905.432)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.317.659.542)	12.526.433.949
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.367.406.622	8.795.317.146
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(23.332.669.345)	(11.905.953.435)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.331.220.353)	110.524.214
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.587.929.846)	(2.967.377.945)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		66.150.536	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(1.599.574.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17.932.221.467)	(4.748.535.789)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.711.781.818)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.897.096.000	250.681.818
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.280.000.000)
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		137.187.597	17.430.576
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		91.034.283.597	(3.723.669.424)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		62.844.143.724	60.109.576.313
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(135.979.369.070)	(55.241.476.572)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(73.135.225.346)	4.868.099.741
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(33.163.216)	(3.604.105.472)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.255.078.981	4.859.307.424
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-	(122.971)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	1.221.915.765	1.255.078.981

Nguyễn Tiến Thành
Tông Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Đức Thịnh
Kê toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lilama 3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty lắp máy và xây dựng số 3 thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam theo quyết định số 449/QĐ-BXD ngày 16/3/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 180300048 ngày 22/6/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 2600104526 ngày 29/5/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 86 đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 51.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.150.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Thi công, xây dựng các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, công trình thủy lợi, các công trình quốc phòng, đường điện và trạm biến thế;
- Khảo sát, thiết kế tư vấn xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Khảo sát thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; tư vấn thiết kế công nghiệp các công trình sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Thiết kế, đóng mới tàu thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện vận tải thủy đến 1000 tấn, sửa chữa thuyền, ca nô, xà lan và các phương tiện đường thủy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà, bất động sản;
- Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thi công xây dựng: san ủi mặt bằng, thi công nền móng đường bộ;
- Lắp ráp thiết bị, máy móc cho các công trình; cung cấp, lắp đặt và bảo trì thang máy;
- Chế tạo và lắp đặt: thiết bị nâng, dầm cầu trục đến 30 tấn, nồi hơi, ống áp lực và thiết bị chịu áp lực;
- Kinh doanh thương mại tổng hợp, nguyên vật liệu giấy, khí hóa lỏng và các chất đốt các loại; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ;

1.3 Cấu trúc của Công ty

Danh sách các công ty con được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần Lilama 3.3	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	79,48%
Công ty cổ phần Lilama 3.4	Số 927 Hùng Vương, tp. Việt Trì, Phú Thọ	59,36%
Công ty TNHH Lilama 3 - Dai Nippon Toryo	Lô 24-25 KCN Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội	51%

Danh sách các công ty con không được hợp nhất gồm:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	72%

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	103.954.995	35.847.863
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.117.960.770	1.219.231.118
Cộng	1.221.915.765	1.255.078.981

5.2 Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	111.591.685.676	103.013.302.963
- Công ty Cổ Phần TCE Vina DENIM	19.276.000.000	19.276.000.000
- Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam	11.727.140.689	16.863.299.347
- Công ty CRI - CT Nhiệt Điện Nghi Sơn 2	9.788.050.031	3.759.978.753
- Khách hàng khác	70.800.494.956	63.114.024.863
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.110.000.000	4.110.000.000
- Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	4.110.000.000	4.110.000.000
Cộng	115.701.685.676	107.123.302.963

5.3 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	33.051.209.840	(7.926.822.648)	35.305.409.373	(7.976.182.925)
Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	84.203	-	-	-
Phải thu khác	24.639.898.020	(3.522.925.754)	27.411.311.878	(3.560.356.045)
Tạm ứng	8.411.227.617	(4.403.896.894)	7.894.097.495	(4.415.826.880)
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	33.051.209.840	(7.926.822.648)	35.305.409.373	(7.976.182.925)

5.5 Nợ xấu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng	45.450.011.457	(45.410.981.274)	45.389.345.915	(45.350.315.732)
- Công ty cổ phần Lisemco	7.166.882.001	(7.166.882.001)	7.166.882.001	(7.166.882.001)
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO)	4.206.430.034	(4.206.430.034)	4.206.430.034	(4.206.430.034)
- Công ty Cổ phần Giấy Bãi Bằng	5.283.708.000	(5.283.708.000)	5.283.708.000	(5.283.708.000)
- BQLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam (Tety giấy VN)	2.663.068.439	(2.663.068.439)	2.663.068.439	(2.663.068.439)
- Công ty TNHH KC COTTRELL Việt Nam	2.483.932.675	(2.483.932.675)	2.483.932.675	(2.483.932.675)
- Công ty Cổ phần Chế tạo máy - TKV	1.915.071.667	(1.915.071.667)	1.915.071.667	(1.915.071.667)
- Cty Cổ phần LILAMA5	2.772.392.728	(2.772.392.728)	2.772.392.728	(2.772.392.728)
- Đối tượng khác	18.958.525.913	(18.919.495.730)	18.897.860.371	(18.858.830.188)
b. Phải thu khác	8.214.162.448	(7.926.822.648)	8.263.522.725	(7.976.182.925)
- Tạm ứng nhân viên	4.433.896.894	(4.403.896.894)	4.445.826.880	(4.415.826.880)
- Đối tượng khác	3.780.265.554	(3.522.925.754)	3.817.695.845	(3.560.356.045)
b. Trả trước cho người bán	3.182.635.620	(3.182.635.620)	3.182.635.620	(3.182.635.620)
- Công ty cổ phần Ngọc Việt Linh	868.188.137	(868.188.137)	868.188.137	(868.188.137)
- Đối tượng khác	2.314.447.483	(2.314.447.483)	2.314.447.483	(2.314.447.483)
Cộng	56.846.809.525	(56.520.439.542)	56.835.504.260	(56.509.134.277)

5.5 Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Tài sản khác		1.376.684.181		1.376.684.181
Cộng	-	1.376.684.181	-	1.376.684.181

5.6 Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.940.282.409	-	1.789.763.390	-
Công cụ, dụng cụ	33.265.935	-	289.352.424	-
Chi phí SXKD dở dang	39.262.313.117	-	61.866.911.352	-
Hàng hóa	530.751.249	-	187.992.166	-
Cộng	41.766.612.710	-	64.134.019.332	-

5.7 Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	57.999.998	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.999.998	-
Dài hạn	3.282.806.153	2.009.585.798
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	2.894.145.346	418.881.849
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	1.039.742.292
- Các khoản khác	388.660.807	550.961.657
Cộng	3.340.806.151	2.009.585.798

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Quyền sử dụng đất	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	-	135.265.000	135.265.000
- Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	135.265.000	135.265.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số đầu năm	-	135.265.000	135.265.000
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	135.265.000	135.265.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3
 Địa chỉ: Số 86 Tôn Xuân, phường Xuân, quận Bình Tân, Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BỐ CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.9 Tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số đầu năm	91.648.188.197	75.741.608.040	16.393.382.980	1.083.218.834	-	184.866.398.051
- Mua trong năm	-	36.800.000	-	-	-	36.800.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(87.902.087.408)	(51.230.193.161)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(140.356.794.170)
Số cuối năm	<u>3.746.100.789</u>	<u>24.548.214.879</u>	<u>15.637.226.850</u>	<u>614.861.363</u>	<u>-</u>	<u>44.546.403.881</u>

HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	28.960.610.539	45.209.523.921	15.118.311.583	1.052.673.766	-	90.341.119.809
- Khấu hao trong năm	1.628.631.493	2.662.111.217	184.900.823	9.263.887	-	4.484.907.420
- Thanh lý, nhượng bán	(26.843.141.243)	(28.015.164.981)	(756.156.130)	(468.357.471)	-	(56.082.819.825)
Số cuối năm	<u>3.746.100.789</u>	<u>19.856.470.157</u>	<u>14.547.056.276</u>	<u>593.580.182</u>	<u>-</u>	<u>38.743.207.404</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	62.687.577.658	30.532.084.119	1.275.071.397	30.545.068	-	94.525.278.242
Số cuối năm	-	4.691.744.722	1.090.170.574	21.281.181	-	5.803.196.477

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.10 Tài sản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc	-	121.600.423.358
Xưởng sản xuất bột giấy Yên Lập	577.910.298	577.910.298
Hạ tầng khu C	500.741.300	325.872.864
Cộng	1.078.651.598	122.504.206.520

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.11 Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	4.280.000.000	-	4.280.000.000	-
Công ty cổ phần xây dựng số 8 Thăng Long	4.280.000.000	-	4.280.000.000	-
Cộng	4.280.000.000	-	4.280.000.000	-

5.12 Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Thép Tân Hưng	89.991.409.180	89.991.409.180	100.488.121.516	100.488.121.516
- Công ty TNHH Công nghiệp OKWON(Liên danh CT Dệt)	11.032.855.207	11.032.855.207	11.132.855.207	11.132.855.207
- Phải trả khác	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747	19.773.908.747
	59.184.645.226	59.184.645.226	69.581.357.562	69.581.357.562
Cộng	89.991.409.180	89.991.409.180	100.488.121.516	100.488.121.516

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	14.632.610.888	5.814.526.938	5.384.695.088	15.062.442.738
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	10.518.569.876	4.439.753.484	3.060.683.962	11.897.639.398
- Thuế thu nhập cá nhân	1.311.413.968	714.341.677	485.910.794	1.539.844.851
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	199.035.851	-	-	199.035.851
- Các loại thuế khác	2.603.591.193	660.431.777	1.838.100.332	1.425.922.638
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	14.632.610.888	5.814.526.938	5.384.695.088	15.062.442.738

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.14 Chi phí phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	23.313.521.372	17.304.125.296
- Trích trước chi phí công trình	7.432.824.199	5.573.598.273
- Trích trước thuê cơ sở hạ tầng	5.122.267.697	4.794.994.970
- Trích trước chi phí lãi vay	5.113.361.484	3.978.892.376
- Trích trước chi phí thuê tài sản	2.491.031.818	2.491.031.818
- Trích trước chi phí tiền lương	-	13.602.600
- Trích trước chi phí khác	3.154.036.174	452.005.259
b. Dài hạn	-	-
Cộng	23.313.521.372	17.304.125.296

5.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	98.965.216.633	100.049.102.383
- Kinh phí công đoàn	2.744.354.958	2.804.226.325
- Bảo hiểm xã hội	36.686.028.098	34.276.180.940
- Bảo hiểm y tế	2.415.470.498	2.731.027.523
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.617.643.145	2.947.868.778
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.501.719.934	57.289.798.817
+ Đoàn phí công đoàn	939.596.569	931.286.763
+ Phải trả các tổ đội thi công	15.712.733.598	15.788.029.902
+ Phải trả đối tượng khác	37.849.389.767	40.570.482.152
b. Dài hạn	-	-
Cộng	98.965.216.633	100.049.102.383

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a)	Vay ngắn hạn	411.040.668.823	411.040.668.823	62.844.143.724	135.979.369.070	484.175.894.169	484.175.894.169
-	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Ba Đình ⁽¹⁾	28.994.375.993	28.994.375.993	39.633.220.204	40.574.016.739	29.935.172.528	29.935.172.528
-	Vay cá nhân	4.849.244.779	4.849.244.779	8.295.169.110	5.072.552.331	1.626.628.000	1.626.628.000
-	Ngân hàng TMCP SHB - CN Hà Nội	4.299.601.557	4.299.601.557		177.000.000	4.476.601.557	4.476.601.557
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam ⁽³⁾	372.897.446.494	372.897.446.494	14.915.754.410	90.155.800.000	448.137.492.084	448.137.492.084
	Cộng	411.040.668.823	411.040.668.823	62.844.143.724	135.979.369.070	484.175.894.169	484.175.894.169

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/399106/HĐTD ngày 28/10/2020 nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp hạn mức đến hết 31/08/2021. Hạn mức cấp tín dụng là 50 tỷ đồng. Lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo cho các khoản theo Hợp đồng Tín sản đảm bảo với Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Ba Đình.

(2) Phải trả Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo các khoản nợ vay, nợ phải trả mà Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại. Cuối năm 2020 số tiền nợ gốc là 177.929.292.192 đồng, số tiền lãi là 194.968.154.302 đồng. Cụ thể số dư nợ theo các Hợp đồng mua bán nợ sau:

- Hợp đồng mua bán nợ số 33/2013-HĐMBN ngày 28/06/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh với số nợ gốc là 208.298.749.263 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 52.992.855.579 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là Các máy móc thiết bị vận tải, sản phẩm CYNCROLIIFT và toàn bộ máy móc thiết bị nhà xưởng hình thành từ dự án "Nhà máy chế tạo cơ khí và đóng tàu".

- Hợp đồng mua bán nợ số 35/2013-HĐMBN ngày 04/07/2013 giữa NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (tên mới là Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam). Mua bán lại số nợ của Công ty CP

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Lilama 3 với NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Hùng Vương với số nợ gốc là 6.395.342.929 đồng, tiền lãi và phạt chậm trả là 2.795.112.384 đồng. Tài sản đảm bảo của khoản nợ là toàn bộ kết cấu thép cầu Suối Mương Toa thuộc dự án thủy điện Nậm Toóng.

- Hợp đồng mua bán nợ và chuyển nhượng cổ phần số 18/2016-HĐMBN-CP ngày 30/03/2016 giữa Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam. Mua bán lại số công nợ phải trả của Công ty CP Lilama 3 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV với số nợ gốc là 53.391.000.000 đồng, tiền lãi phải trả là 23.906.350.625 đồng. Cùng với đó là 2.563.600 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phần.

5.17 Vốn chủ sở hữu

5.17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2019	51.500.000.000	14.250.000.000	14.250.000.000	7.522.993.188	319.065.349	(374.512.999.706)	(7.289.345.899)	(308.210.287.068)	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong năm trước														
- Lãi/(lỗ) trong năm trước														
- Tăng khác														
- Giảm vốn trong năm trước														
- Giảm khác				(2.088.181)	(255.384)	(2.311.854.276)	2.314.197.841	(50.982.434.636)						
31/12/2019	51.500.000.000	14.250.000.000	14.250.000.000	7.520.905.007	318.809.965	(424.846.542.542)	(7.935.894.134)	(359.192.721.704)						
01/01/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	14.250.000.000	7.520.905.007	318.809.965	(424.846.542.542)	(7.935.894.134)	(359.192.721.704)						
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-	-	(144.434.756.603)	(258.862.708)	(144.693.619.311)						
- Tăng khác	-	-	-	-	-	66.150.535	-	66.150.535						
31/12/2020	51.500.000.000	14.250.000.000	14.250.000.000	7.520.905.007	318.809.965	(569.215.148.610)	(8.194.756.841)	(503.820.190.479)						

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5.17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam (DATC)	25.630.000.000	25.630.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	25.870.000.000	25.870.000.000
Cộng	51.500.000.000	51.500.000.000

5.17.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.150.000	5.150.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.150.000	5.150.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Doanh thu	99.783.442.091	126.909.379.652
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.783.442.091	126.909.379.652
Cộng	99.783.442.091	126.909.379.652

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	95.362.349.139	131.256.823.374
Cộng	95.362.349.139	131.256.823.374

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	137.187.597	17.430.576
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.210.274.156
Cộng	137.187.597	1.227.704.732

6.4. Chi phí tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Chi phí lãi vay	18.907.130.525	21.900.144.031
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	4.280.000.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	168.836.548
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.280.727	96.078.073
Cộng	<u>18.936.411.252</u>	<u>26.445.058.652</u>
6.5. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
- Bán phế liệu	671.267.130	1.056.303.645
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	550.000.000	250.681.818
- Các khoản khác	25.817.109	11.284.616
Cộng	<u>1.247.084.239</u>	<u>1.318.270.079</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

6.6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý TSCĐ	116.260.766.532	-
- Các khoản bị phạt	3.757.038.034	2.918.135.511
- Bán vật tư	324.452.733	1.898.346.785
- Các khoản chi phí khác	178.686.708	394.190.935
Cộng	120.520.944.007	5.210.673.231

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.527.398.244	48.360.691.989
Chi phí nhân công	29.422.093.999	39.049.073.301
Khấu hao tài sản cố định	4.484.907.420	7.976.635.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.461.370.566	26.334.543.776
Chi phí bằng tiền khác	1.827.556.984	20.852.014.483
Cộng	79.723.327.213	142.572.959.231

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(144.434.756.603)	(48.021.688.560)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.150.000	5.150.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(28.046)	(9.325)
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

6.9 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.915.765	1.255.078.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.752.895.516	142.428.712.336
Đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	149.974.811.281	143.683.791.317

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	411.040.668.823	484.175.894.169
Phải trả người bán và phải trả khác	144.493.129.114	157.777.920.333
Chi phí phải trả	23.313.521.372	17.304.125.296
Cộng	578.847.319.309	659.257.939.798
Trạng thái ròng	(428.872.508.028)	(515.574.148.481)

Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1-5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số cuối năm			
Vay và nợ thuê tài chính	411.040.668.823	-	411.040.668.823
Phải trả người bán và phải trả khác	144.493.129.114	-	144.493.129.114
Chi phí phải trả	23.313.521.372	-	23.313.521.372
Cộng	<u>578.847.319.309</u>	<u>-</u>	<u>578.847.319.309</u>
Số đầu năm			
Vay và nợ thuê tài chính	484.175.894.169	-	484.175.894.169
Phải trả người bán và phải trả khác	157.777.920.333	-	157.777.920.333
Chi phí phải trả	17.304.125.296	-	17.304.125.296
Cộng	<u>659.257.939.798</u>	<u>-</u>	<u>659.257.939.798</u>

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.221.915.765	-	1.221.915.765
Phải thu khách hàng và phải thu khác	148.752.895.516	-	148.752.895.516
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	149.974.811.281	-	149.974.811.281
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.255.078.981	-	1.255.078.981
Phải thu khách hàng và phải thu khác	142.428.712.336	-	142.428.712.336
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	143.683.791.317	-	143.683.791.317

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

6.10 Báo cáo bộ phận

Hiện tại hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh chế tạo, lắp đặt thiết bị cũng như chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	884.777.149	855.743.781
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	884.777.149	855.743.781

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	14.915.754.410
		Thanh toán nợ gốc	90.155.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3

Địa chỉ: Số 86 Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (VND)
Công ty TNHH MTV mua bán nợ Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay	(372.897.446.494)
Công ty cổ phần Xây Dựng số 8 Thăng Long	Công ty con	Phải thu khách hàng	4.110.000.000

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt.

Nguyễn Tiến Thành
Tổng Giám đốc*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021*

Nguyễn Đức Thịnh
Kế toán trưởng

Người lập

Hà nội, ngày 20 tháng 04 năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 3



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiên Thành